



THÔNG BÁO

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP DO CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG NẴM GIỮ

- Tên tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn:** Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
Địa chỉ: 470 đường Đồng Văn Cống, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh
- Tên tổ chức có cổ phần bán đấu giá:** Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép
Địa chỉ: Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
- Ngành nghề kinh doanh chính của tổ chức có cổ phần bán đấu giá:** Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Xếp dỡ container và hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa cảng sông và cảng biển
- Vốn điều lệ:** 80.000.000.000 đồng
- Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần bán đấu giá:** 640.000 cổ phần
- Giá khởi điểm:** 10.000 đồng/cổ phần
- Bước giá:** 100 đồng/cổ phần
- Bước khối lượng:** 100 cổ phần
- Loại cổ phần chào bán:** Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Điều kiện tham dự đấu giá:** Theo Quy chế bán đấu giá do Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng ban hành.
- Tổ chức bán đấu giá:** Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng. **Địa chỉ:** 52 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
- Thời gian, địa điểm đăng ký và nộp tiền đặt cọc:**
 - Thời gian: Từ 08h00 ngày 12/07/2021 đến 16h00 ngày 26/07/2021.
 - Địa điểm: Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng số 52 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
- Thời gian và địa điểm nộp phiếu tham dự đấu giá:** Chậm nhất 15h00 ngày 30/07/2021 tại Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng.
- Thời gian và địa điểm tổ chức bán đấu giá:**
 - + Thời gian: 09h00 ngày 03/08/2021.
 - + Địa điểm: Hội trường của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng số 470 đường Đồng Văn Cống, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian nộp tiền mua cổ phần:** Từ ngày 04/08/2021 đến ngày 10/08/2021
- Thời gian hoàn tiền đặt cọc:** Từ ngày 04/08/2021 đến ngày 06/08/2021.

Tài liệu đính kèm.

THÔNG BÁO

**BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP DO
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG NĂM GIỮ**

Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng thông báo bán đấu giá cổ phần với các thông tin như sau:

1. Tên tổ chức thực hiện chuyên nhượng vốn: Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng.

Địa chỉ: 470 đường Đồng Văn Cống, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tên tổ chức có cổ phần bán đấu giá: Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép.

Địa chỉ: Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Ngành nghề kinh doanh chính của tổ chức có cổ phần bán đấu giá: Bốc xếp hàng hóa. Chi tiết: Xếp dỡ container và hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa cảng sông và cảng biển.

4. Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng

5. Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

6. Số lượng cổ phần bán đấu giá: 640.000 cổ phần

7. Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần

8. Bước giá: 100 đồng/cổ phần

9. Bước khối lượng: 100 cổ phần

10. Loại cổ phần chào bán: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng

11. Điều kiện tham dự đấu giá: Theo Quy chế bán đấu giá do Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng ban hành.

12. Tổ chức bán đấu giá: Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng. **Địa chỉ:** 52 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.

13. Thời gian, địa điểm đăng ký và nộp tiền đặt cọc:

- Thời gian: Từ 08h00 ngày 12/07/2021 đến 16h00 ngày 26/07/2021.
- Địa điểm: Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng số 52 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh



14. Thời gian và địa điểm nộp phiếu tham dự đấu giá: Chậm nhất 15h00 ngày 30/07/2021 tại Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng.

15. Thời gian và địa điểm tổ chức bán đấu giá:

- Thời gian: 09h00 ngày 03/08/2021
- Địa điểm: Hội trường của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận Tải Xếp dỡ Tân Cảng, số 470 đường Đồng Văn Cống, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Thời gian nộp tiền mua cổ phần: Từ ngày 04/08/2021 đến ngày 10/08/2021.

17. Thời gian hoàn tiền đặt cọc: Từ ngày 04/08/2021 đến ngày 06/08/2021.

Thông tin liên hệ:

Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng

Địa chỉ: số 52 đường Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028.62946889

Nơi nhận:

- Chủ sở hữu vốn, công ty cổ phần;
- Niêm yết tại trụ sở công ty;
- Niêm yết tại nơi có tài sản;
- KH đăng ký tham gia đấu giá;
- Lưu: VT, hồ sơ.



**CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
TOÀN THẮNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Số: 121/2021/QĐ-ĐGTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng
Cái Mép do Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng nắm giữ.**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH TOÀN THẮNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ về việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài chính tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ V/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển Doanh nghiệp nhà nước và Công ty TNHH MTV do Doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành Công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài chính tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư 36/TT-BTC ngày 21/05/2021 của Chính phủ về Hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018; Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 255A/NQ-HĐQT ngày 21/05/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng V/v phê duyệt phương án TCL thoái vốn tại Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Á Châu.



QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép do Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng nắm giữ”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Ban đấu giá, các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá cổ phần Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép do Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng nắm giữ và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- TCL;
- Lưu: VT.



Hồ Bình Minh



CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH
TOÀN THẮNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

Số: 121/2021/QC-ĐGTT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2021

QUY CHẾ

BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP DO CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG NĂM GIỮ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 121/2021/QĐ-ĐGTT ngày 07 tháng 07 năm 2021)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này áp dụng đối với việc tổ chức bán đấu giá thông thường chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng tại Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép được thực hiện qua Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bán đấu giá cổ phần* là việc bán đấu giá cổ phần công khai thông thường của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép do Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng nắm giữ cho các nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá.

2. *Nhà đầu tư* là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, không thuộc các đối tượng bị cấm hoặc hạn chế quyền đầu tư mua cổ phần của các doanh nghiệp tại Việt Nam.

3. *Chủ sở hữu vốn* là Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng.

4. *Cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển nhượng vốn* là Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng.

5. *Công ty cổ phần* là Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép.

6. *Tổ chức bán đấu giá cổ phần* là Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng.



7. Ban tổ chức đấu giá là tổ chức do Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng thành lập để thực hiện việc bán đấu giá cổ phần và các công việc liên quan theo quy định.

8. Hội đồng bán đấu giá cổ phần là tổ chức thực hiện chỉ đạo việc bán đấu giá cổ phần bao gồm: Đại diện Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng, đại diện Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép (nếu có), đại diện Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng. Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá cổ phần là đại diện Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng. Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá cổ phần thay mặt cho Hội đồng bán đấu giá cổ phần ký các văn bản thuộc thẩm quyền.

9. Mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng.

10. Giá khởi điểm là mức giá ban đầu của một cổ phần được chào bán ra bên ngoài do Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng quyết định.

11. Bước giá là khoảng cách giữa các giá đặt mua liên tiếp tính từ giá khởi điểm.

12. Bước khối lượng là khoảng cách giữa các khối lượng đặt mua liên tiếp tính từ khối lượng cổ phần được đăng ký mua tối thiểu.

13. Giá đấu là các mức giá đặt mua cổ phần của nhà đầu tư được ghi vào Phiếu tham dự đấu giá.

14. Tiền đặt cọc là một khoản tiền của nhà đầu tư tham gia mua cổ phần ứng trước để đảm bảo quyền mua cổ phần.

15. Cổ phần không bán hết của cuộc đấu giá bao gồm:

a) Số lượng cổ phần nhà đầu tư trúng giá trong cuộc đấu giá công khai nhưng từ chối mua.

b) Số lượng cổ phần không được nhà đầu tư đăng ký mua theo phương án bán đấu giá công khai đã được duyệt.

16. Các trường hợp bán đấu giá không thành công bao gồm:

a) Khi hết thời hạn đăng ký mà không có nhà đầu tư nào đăng ký tham gia đấu giá hoặc chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá.

b) Sau khi nộp tiền đặt cọc đến hết thời hạn nộp phiếu tham dự đấu giá không có nhà đầu tư nào nộp phiếu tham dự;

c) Không có nhà đầu tư nào trả giá tại cuộc đấu giá hoặc giá nhà đầu tư trả cao nhất mà vẫn thấp hơn giá khởi điểm;

d) Chỉ có một hoặc tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá nhưng từ chối mua;

e) Tất cả các nhà đầu tư vi phạm quy chế đấu giá theo quy định của quy chế đấu giá.

f) Nhà đầu tư từ chối bỏ phiếu kín theo quy định tại Quy chế này.

17. Ngày kết thúc cuộc đấu giá là ngày thực hiện đầy đủ các bước công việc liên quan đến phiên tổ chức đấu giá và xác định được kết quả đấu giá.

18. Ngày kết thúc việc bán cổ phần là ngày cuối cùng nhà đầu tư thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của Tổ chức bán đấu giá cổ phần.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ sở hữu vốn

1. Ký hợp đồng cung cấp dịch vụ đấu giá với Tổ chức bán đấu giá cổ phần.
2. Cung cấp tài liệu, thông tin đầy đủ, chính xác cho Tổ chức bán đấu giá cổ phần thông tin về Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép.
3. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá, đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá và tham gia kiểm tra, giám sát việc bán đấu giá cổ phần theo các quy định hiện hành.
4. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin, số liệu về Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép khi cung cấp cho Tổ chức bán đấu giá để Tổ chức bán đấu giá công bố thông tin.
5. Công bố công khai tại trụ sở chính theo đúng quy định tại Điều 7 Quy chế này.
6. Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của bản công bố thông tin liên quan đến doanh nghiệp và cuộc đấu giá.
7. Phối hợp với Tổ chức bán đấu giá cổ phần công bố công khai cho các nhà đầu tư các thông tin liên quan đến Công ty cổ phần và cuộc đấu giá theo các nội dung tại Điều 7 Quy chế này;
8. Phối hợp với Tổ chức bán đấu giá cổ phần thuyết trình về Công ty cổ phần cho các nhà đầu tư (nếu cần);
9. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức;
10. Ký Biên bản xác định kết quả đấu giá công khai theo khoản 4 Điều 14 Quy chế này;
11. Nhận tiền thanh toán mua cổ phần của nhà đầu tư trúng đấu giá theo thời gian quy định;
12. Phối hợp với Tổ chức bán đấu giá cổ phần công bố kết quả đấu giá cổ phần và hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá theo Quy chế này;

J. 8
C
Ú G
TOÀ
HẠN

13. Tổng hợp, báo cáo kết quả bán đấu giá cổ phần gửi các cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

14. Phối hợp với công ty cổ phần làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho các nhà đầu tư trúng đấu giá.

15. Chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc quyền được bán tài sản theo quy định của pháp luật.

16. Chịu mọi trách nhiệm về chất lượng, giá trị và mọi vấn đề pháp lý liên quan đến quyền sở hữu và sử dụng cổ phần đưa ra đấu giá.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng bán đấu giá cổ phần

1. Tổ chức chỉ đạo và tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động bán đấu giá theo quy định;

2. Kiểm tra tính hợp lệ của các hòm phiếu và Phiếu tham dự đấu giá;

3. Xem xét xử lý các trường hợp vi phạm Quy chế bán đấu giá và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm;

4. Ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo khoản 4 Điều 14 Quy chế này.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ chức bán đấu giá cổ phần

1. Yêu cầu chủ sở hữu vốn cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin về việc bán đấu giá theo quy định;

2. Cử đại diện tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần;

3. Xây dựng và ban hành Quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá cổ phần và Quy chế bán đấu giá cổ phần;

4. Thông báo với chủ sở hữu vốn về thời gian, địa điểm tổ chức đấu giá;

5. Thực hiện thông báo và công bố thông tin 03 kỳ liên tiếp trên tờ báo trung ương (báo Đại đoàn kết) và báo địa phương (báo Người lao động), nơi doanh nghiệp chủ sở hữu vốn có trụ sở chính, và trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá theo Điều 7 Quy chế này;

6. Trường hợp thông tin công bố không chính xác, phản ánh sai lệch so với thông tin, số liệu do chủ sở hữu vốn cung cấp thì Tổ chức bán đấu giá cổ phần chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật;

7. Cung cấp thông tin liên quan đến Công ty cổ phần và cuộc đấu giá cho nhà đầu tư cùng với Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần;

8. Tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần, kiểm tra điều kiện tham dự đấu giá và phát Phiếu tham dự đấu giá cho các nhà đầu tư có đủ điều kiện theo Điều 8 Quy chế này. Trường hợp nhà đầu tư không đủ điều kiện tham dự đấu giá thì thông báo cho chủ sở hữu vốn hoàn trả tiền đặt cọc cho các nhà đầu tư (trường hợp nhà đầu tư đã đặt cọc);

9. Giải thích những nội dung liên quan đến trình tự, thủ tục đấu giá khi nhà đầu tư thắc mắc trong thời gian nhận Phiếu tham dự đấu giá;

10. Tiếp nhận Phiếu tham dự đấu giá của các nhà đầu tư chậm đến **15 giờ 00 phút ngày 30 tháng 07 năm 2021;**

10
ÔN
IÁ
NT
4-7

11. Tổng hợp kết quả đăng ký sau khi kết thúc thời hạn đăng ký của nhà đầu tư. Thông báo công khai tại nơi bán đấu giá và trên các phương tiện thông tin của Tổ chức bán đấu giá cổ phần về tổng số nhà đầu tư tham gia và tổng số cổ phần đăng ký mua (phân theo tổ chức và cá nhân) chậm nhất hai (02) ngày làm việc trước ngày dự kiến tổ chức đấu giá;

12. Giữ bí mật về giá đặt mua của các nhà đầu tư cho đến khi công bố kết quả chính thức;

13. Tổ chức bán đấu giá cổ phần và chịu trách nhiệm về việc xác định kết quả đấu giá theo quy định;

14. Ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo khoản 4 Điều 14 Quy chế này;

15. Phối hợp với chủ sở hữu vốn công bố kết quả đấu giá cổ phần;

16. Thông báo và gửi kết quả đấu giá cho các nhà đầu tư;

17. Chuyển giao toàn bộ hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá của nhà đầu tư cho chủ sở hữu vốn trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hết hạn nộp tiền thanh toán mua cổ phần của nhà đầu tư;

18. Quyết định các vấn đề phát sinh nằm ngoài quy định tại Quy chế này theo quy định của pháp luật;

19. Thực hiện các hoạt động khác có liên quan đến việc bán đấu giá cổ phần.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền lợi của nhà đầu tư tham gia đấu giá

1. Tiếp cận thông tin công bố về Công ty cổ phần và cuộc đấu giá theo quy định;

2. Gửi Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần cho Tổ chức bán đấu giá theo mẫu tại Phụ lục số 01 kèm theo Quy chế này;

3. Thực hiện quy định của pháp luật về đầu tư vốn tại công ty cổ phần và các quy định pháp luật liên quan trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài tham gia đấu giá mua cổ phần;

4. Nộp tiền đặt cọc bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm theo quy định;

5. Nộp Phiếu tham dự đấu giá theo quy định;

6. Nhận hoàn trả tiền đặt cọc theo quy định;

7. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền mua cổ phần trúng đấu giá;

8. Nhà đầu tư trúng đấu giá có trách nhiệm phối hợp với Công ty thực hiện các thủ tục đổi tên công ty (không có chữ Tân Cảng) trong thời hạn không quá 6 tháng kể từ thời điểm trúng đấu giá.

9. Tuân thủ các quy định tại Quy chế đấu giá này.

Điều 7. Công bố thông tin.

1. Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng phối hợp với chủ sở hữu vốn công bố thông tin về việc bán đấu giá theo Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày thực hiện đấu giá. Việc thông báo được tổ chức thực hiện trên các phương tiện sau đây:

200
CÔNG TY
HỢP DANH
TOÀN THẮNG
P. H. C.

- Ba (03) số liên tiếp của 1 tờ báo địa phương (báo Người lao động) và của báo trung ương (Báo Đại đoàn kết);

- Trên các website công bố thông tin: <http://tancanglogistics.com>; <http://dgts.moj.gov.vn>; <http://taisancong.vn>;

2. Tổ chức bán đấu giá cổ phần phối hợp với Chủ sở hữu vốn, công ty cổ phần công bố thông tin về hồ sơ đấu giá đã lập theo quy định tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày thực hiện đấu giá, cụ thể:

a) Nội dung công bố thông tin:

- Trích Nghị quyết số 0107/NQ-HĐTV ngày 01/07/2021 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân cảng Sài Gòn về việc chuyển nhượng vốn của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng tại Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Cái Mép và Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu.

- Nghị quyết số 255A/NQ-HĐQT ngày 21/05/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng V/v phê duyệt phương án TCL thoái vốn tại Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Á Châu.

- Bản công bố thông tin;

- Tài liệu chứng minh chủ sở hữu vốn là chủ sở hữu hợp pháp của số cổ phần đăng ký bán;

- Quy chế bán đấu giá cổ phần của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép do Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng nắm giữ;

- Các thông tin có liên quan đến doanh nghiệp bán đấu giá và việc bán cổ phần.

b) Địa điểm công bố thông tin:

- Tổ chức bán đấu giá cổ phần: **Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng**, địa chỉ: Tầng 4, 52 Trần Bình Trọng, Phường 05, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chủ sở hữu vốn: **Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân cảng**, Địa chỉ: 470 đường Đồng Văn Cống, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. *Website*: <http://tancanglogistics.com/>

- **Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép**, địa chỉ: Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điều 8. Đối tượng tham gia đấu giá và các quy định liên quan.

Đối tượng tham gia đấu giá cổ phần bao gồm tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đáp ứng các điều kiện sau:

1. Đối với nhà đầu tư trong nước

a) Đối với nhà đầu tư cá nhân: Là công dân Việt Nam, có địa chỉ liên hệ, Giấy chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, giấy tờ tùy thân hợp lệ và có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Đối với nhà đầu tư tổ chức: Là tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam; có tư cách pháp nhân (đối với các tổ chức kinh tế); có Giấy đăng ký kinh doanh/Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép hoạt động; có địa chỉ liên hệ;



c) Tuân thủ quy định hiện hành về góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp Việt Nam theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: ngoài các quy định như đối với tổ chức và cá nhân trong nước, nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ các quy định sau:

a) Mở một (01) tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng đồng Việt Nam tại ngân hàng được phép cung ứng dịch vụ ngoại hối hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động liên quan đến mua cổ phần phải thông qua tài khoản này;

b) Có Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp (bản sao có xác nhận của ngân hàng lưu ký hoặc công ty chứng khoán nơi nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản lưu ký);

c) Tuân thủ quy định hiện hành về góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài tại doanh nghiệp.

3. Các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư: Trường hợp các tổ chức tài chính trung gian nhận ủy thác đầu tư của cả nhà đầu tư trong nước và nước ngoài, tổ chức nhận ủy thác đầu tư có trách nhiệm tách biệt rõ số lượng nhà đầu tư, số cổ phần của từng nhà đầu tư trong và ngoài nước đăng ký mua.

4. Những đối tượng không được tham gia đấu giá mua cổ phần của Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép:

a) Các tổ chức tài chính trung gian và các cá nhân thuộc các tổ chức này tham gia vào việc thực hiện tư vấn, xác định giá khởi điểm, kiểm toán báo cáo tài chính; trừ các tổ chức bảo lãnh phát hành mua số cổ phần chưa phân phối hết theo hợp đồng bảo lãnh;

b) Các công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ; Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau (Theo quy định tại Khoản 2, Điều 189 Luật Doanh nghiệp);

c) Các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 4 Điều 38 Luật Đầu tư năm 2016.

Điều 9. Các thông tin cơ bản về phương án bán đấu giá

Chủ sở hữu vốn phối hợp với Tổ chức bán đấu giá cổ phần xác định:

1. Loại cổ phần chào bán : **Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng**
2. Số lượng cổ phần chào bán : **640.000 cổ phần**
3. Mệnh giá : **10.000 đồng/cổ phần**
4. Giá khởi điểm : **10.000 đồng/cổ phần**
5. Bước giá : **100 (một trăm) đồng/cổ phần**
6. Bước khối lượng : **100 (một trăm) cổ phần**
7. Giới hạn số lượng cổ phần đăng ký mua của mỗi nhà đầu tư:

- Số lượng cổ phần mỗi nhà đầu tư được đăng ký mua tối thiểu: **100 cổ phần** và phải đăng ký theo bội số của 100 cổ phần;

- Số lượng cổ phần tối đa đối với tổ chức, cá nhân trong nước là: **640.000 cổ phần**;

- Số lượng cổ phần tối đa đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài là: **Theo quy định của pháp luật hiện hành**;

- Tổng số lượng cổ phần các nhà đầu tư nước ngoài được phép mua là: **Theo quy định của pháp luật hiện hành.**

8. Mỗi nhà đầu tư được phát một Phiếu đấu giá và chỉ được ghi tối đa một (01) mức giá đặt mua vào Phiếu tham dự đấu giá; Mức giá đặt mua phải là bội số của 100 đồng; Khối lượng đặt mua tối thiểu là 100 cổ phần và đặt theo bội số của 100 cổ phần; Tổng khối lượng đặt mua của mức giá đúng bằng số cổ phần đã đăng ký

Điều 10. Thủ tục đăng ký tham gia đấu giá và nộp tiền đặt cọc.

1. Nhà đầu tư trực tiếp nhận Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần tại **Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng**, địa chỉ: Tầng 4, 52 Trần Bình Trọng, Phường 05, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Nộp tiền đặt cọc

- Nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc tối thiểu bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm bằng đồng Việt Nam trước **16 giờ 00 phút ngày 26 tháng 07 năm 2021** vào tài khoản của tổ chức đấu giá cổ phần, thông tin chi tiết như sau:

- + Đơn vị thụ hưởng: **Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng**
- + Số tài khoản: 0531002544939
- + Tại: Ngân hàng Vietcombank – CN Đông Sài Gòn
- + Nội dung: Ông/bà.....số CMND..... Đặt cọc mua [ghi số lượng] cổ phần Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép

- Tiền đặt cọc sẽ không được hưởng lãi.

3. Nộp Đơn đăng ký tham gia đấu giá mua cổ phần

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào Đơn đăng ký tham gia mua cổ phần và nộp bản chính tại địa điểm làm thủ tục đăng ký kèm theo xuất trình các giấy tờ sau:

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân trong nước

- Chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu. Trường hợp nhận ủy quyền, phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc theo mẫu tại Phụ lục số 03 kèm theo Quy chế này, được công chứng hoặc chứng thực bởi cơ quan công chứng, chứng thực có thẩm quyền, kèm theo xuất trình chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu của người được ủy quyền;

- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

b) Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ khác tương đương;

- Giấy uỷ quyền cho người đại diện, thay mặt tổ chức thực hiện thủ tục kèm theo bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của người nhận ủy quyền, trừ trường hợp người làm thủ tục là người đại diện theo pháp luật của tổ chức;

- Giấy nộp tiền hoặc giấy chuyển tiền đặt cọc.

c) Đối với cá nhân và tổ chức nước ngoài: Ngoài các quy định như đối với cá nhân và tổ chức trong nước phải xuất trình:



- Giấy xác nhận mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp bằng đồng Việt Nam tại một tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán theo quy định của pháp luật Việt Nam về quản lý ngoại hối;

- Giấy chứng nhận mã số giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Thời gian, địa điểm làm thủ tục đăng ký và nộp tiền đặt cọc

- Thời gian làm thủ tục đăng ký và đặt cọc: **Từ 08h00 ngày 12/07/2021 đến 16h00 ngày 26/07/2021.**

- Sau khi hoàn tất các thủ tục đăng ký và nộp tiền đặt cọc, nhà đầu tư được cấp Phiếu tham dự đấu giá theo mẫu Phụ lục số 02 kèm theo Quy chế này;

5. Nhà đầu tư chỉ được sửa đổi hoặc huỷ đăng ký tham gia đấu giá trong thời hạn làm thủ tục đăng ký nêu trên. Trường hợp huỷ đăng ký tham gia đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn đề nghị huỷ đăng ký tham gia đấu giá gửi tổ chức bán đấu giá theo mẫu tại Phụ lục số 04 kèm theo Quy chế này.

Điều 11. Lập và nộp phiếu tham dự đấu giá.

1. Nhà đầu tư điền khối lượng, mức giá đấu và ký Phiếu tham dự đấu giá. Phiếu tham dự đấu giá hợp lệ là:

a) Phiếu do **Công ty Đấu giá Hợp danh Toàn Thắng** cấp, có đóng dấu treo và đảm bảo: điền đầy đủ, rõ ràng các thông tin theo quy định; phiếu không được tẩy, xoá hoặc rách nát; giá đặt mua là giá trên 01 cổ phần, không thấp hơn giá khởi điểm và ghi đúng bước giá quy định, nếu có sự khác biệt giữa số tiền đặt mua bằng chữ và số tiền đặt mua bằng số thì số tiền đặt mua bằng chữ sẽ được coi là có giá trị; tổng số cổ phần đặt mua tối đa bằng mức đăng ký. Phiếu tham dự đấu giá phải được bỏ trong phong bì có chữ ký của nhà đầu tư trên mép dán phong bì theo quy định.

b) Bỏ phiếu kín theo đúng thời hạn quy định như sau:

- Bỏ trực tiếp vào hòm phiếu của Tổ chức bán đấu giá: Chậm nhất **15h00 ngày 30/07/2021.**

- Gửi qua đường bưu điện dưới hình thức thư bảo đảm đến Tổ chức bán đấu giá: Chậm nhất **15h00 ngày 30/07/2021.**

- Thời điểm nhận phiếu được tính là thời điểm Tổ chức bán đấu giá ký nhận với nhà đầu tư hoặc bưu điện.

2. Trường hợp phiếu tham dự đấu giá bị rách nát, tẩy xoá, nhà đầu tư phải yêu cầu Tổ chức bán đấu giá đổi phiếu mới sau khi đã nộp lại phiếu cũ.

3. Trường hợp mất Phiếu tham dự đấu giá, nhà đầu tư phải làm đơn theo mẫu tại Phụ lục số 05 kèm theo Quy chế này đề nghị Tổ chức bán đấu giá cấp lại Phiếu tham dự đấu giá mới. Phiếu tham dự đấu giá cũ coi như không còn giá trị.

Điều 12. Địa điểm và thời gian tổ chức cuộc đấu giá.

1. Địa điểm tổ chức đấu giá:

- Hội trường Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng.

- Địa chỉ: 470 đường Đồng Văn Cống, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

4
C
G
Đ
NH

2. Thời gian tổ chức đấu giá: **10h00 ngày 03/08/2021.**

Điều 13. Xem xét điều kiện để tổ chức cuộc đấu giá.

1. Trước thời điểm tổ chức đấu giá, Tổ chức bán đấu giá sẽ kiểm tra và xác định rõ:

- a. Danh sách các nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá;
- b. Số lượng Phiếu tham dự đấu giá;

2. Cuộc đấu giá được tiến hành khi có ít nhất 02 (hai) nhà đầu tư đủ điều kiện tham dự đấu giá. Nếu không đủ điều kiện này thì không tổ chức đấu giá.

Điều 14. Thực hiện đấu giá.

1. Tại thời điểm bắt đầu mở hòm phiếu đấu giá, đại diện Hội đồng bán đấu giá hoặc người được ủy quyền công bố những thông tin chủ yếu như:

- a) Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng, tên công ty cổ phần, số lượng cổ phần chào bán, số lượng nhà đầu tư và số lượng cổ phần đăng ký mua;
- b) Số phiếu tham dự đấu giá nhận được;
- c) Trình tự, thủ tục đấu giá và nguyên tắc xác định kết quả đấu giá;
- d) Giải thích những vấn đề mà nhà đầu tư hoặc các bên liên quan còn thắc mắc.

2. Nhập phiếu tham dự đấu giá: Đến thời điểm đấu giá, Tổ chức bán đấu giá cổ phần nhập thông tin trên phiếu tham dự đấu giá cổ phần của nhà đầu tư vào hệ thống đấu giá cổ phần của tổ chức bán đấu giá.

3. Xác định kết quả đấu giá.

Kết quả đấu giá được xác định theo quy định tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP như sau:

- Kết quả trúng đấu giá được xác định theo nguyên tắc lựa chọn giá đặt mua từ cao xuống thấp cho đến hết số lượng cổ phần chào bán nhưng không thấp hơn giá khởi điểm.

- Trường hợp tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất, có nhiều nhà đầu tư (kể cả nhà đầu tư nước ngoài) cùng đặt mức giá bằng nhau, nhưng số cổ phần còn lại ít hơn tổng số cổ phần các nhà đầu tư này đăng ký mua tại mức giá trúng đấu giá thấp nhất thì số cổ phần của từng nhà đầu tư được mua xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số cổ phần} \\ \text{n nhà đầu tư} \\ \text{được mua} \end{array} = \frac{\text{Số cổ phần còn} \\ \text{lại chào bán}}{\text{Tổng số cổ phần các nhà đầu tư đăng} \\ \text{ký mua giá bằng nhau}} \times \begin{array}{l} \text{Số cổ phần từng nhà đầu tư đăng ký mua} \\ \text{giá bằng nhau} \end{array}$$

- Trường hợp còn dư cổ phần lẻ, số cổ phần lẻ này được phân bổ cho nhà đầu tư có khối lượng đăng ký mua lớn nhất tại mức giá đó.

- Trường hợp có quy định tỷ lệ tối đa số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua thì việc xác định kết quả đấu giá thực hiện theo nguyên tắc trên nhưng số cổ phần nhà đầu tư nước ngoài được mua không vượt quá tỷ lệ tối đa theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Biên bản xác định kết quả đấu giá

1020
HỢP
TH
- T.P

Ngay sau khi kết thúc cuộc đấu giá, căn cứ kết quả đấu giá, Tổ chức bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm lập Biên bản xác định kết quả đấu giá; các thành viên trong Hội đồng bán đấu giá đồng ký Biên bản xác định kết quả đấu giá theo Phụ lục số III ban hành kèm theo Nghị định số 140/2020/NĐ-CP.

Điều 15. Xác định giá thanh toán tiền mua cổ phần

1. Giá thanh toán là giá trúng đấu giá được xác định tại khoản 3 Điều 14 Quy chế này.
2. Chủ sở hữu vốn phải công khai thông tin về giá thanh toán bán cổ phần cho các nhà đầu tư biết và thực hiện.

Điều 16. Thông báo kết quả đấu giá cho nhà đầu tư

1. Trong thời gian tối đa hai (02) ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản xác định kết quả đấu giá, Chủ sở hữu vốn phối hợp Tổ chức bán đấu giá cổ phần công bố kết quả đấu giá cổ phần tại địa điểm đấu giá, trụ sở Tổ chức bán đấu giá cổ phần, trang điện tử của Chủ sở hữu vốn.

2. Tổ chức bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm gửi kết quả đấu giá của nhà đầu tư cho các nhà đầu tư trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá. Trường hợp nhà đầu tư không nhận kết quả tại Tổ chức bán đấu giá cổ phần, Tổ chức bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm gửi kết quả đấu giá cho nhà đầu tư theo phương thức đảm bảo ngay trong ngày làm việc tiếp theo ngày công bố kết quả đấu giá.

Điều 17. Phương thức và địa điểm thanh toán tiền mua cổ phần

1. Căn cứ vào thông báo kết quả đấu giá do Tổ chức bán đấu giá công bố, nhà đầu tư trúng giá mua cổ phần có trách nhiệm thanh toán tiền mua cổ phần trong thời hạn **từ ngày 04/08/2021 đến ngày 10/08/2021**. Nhà đầu tư trúng đấu giá được trừ số tiền đã đặt cọc để xác định số tiền còn phải thanh toán.

2. Hình thức thanh toán tiền mua cổ phần:

Thanh toán bằng đồng Việt Nam theo hình thức chuyển khoản vào tài khoản của chủ sở hữu vốn theo thông tin như sau:

- + Đơn vị thụ hưởng: Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
- + Tài khoản số: 15111 0001 0001 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – CN An Phú
- + Nội dung: Ông/bà.....số CMND..... Thanh toán tiền mua [ghi số lượng] cổ phần Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép

Điều 18. Xử lý các trường hợp vi phạm

1. Những trường hợp sau đây bị coi là vi phạm Quy chế bán đấu giá và nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc:

- Không nộp phiếu tham dự đấu giá; từ chối hoặc không tham gia bỏ phiếu kín.
- Phiếu tham dự đấu giá không đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 11 của Quy chế này hoặc bị rách, nát, tẩy xóa, không xác định được giá hoặc khối lượng đặt mua;
- Không ghi giá và/hoặc khối lượng trên Phiếu tham dự đấu giá;
- Đăng ký nhưng không đặt mua (toàn bộ hoặc một phần), nhà đầu tư không được nhận lại tiền đặt cọc tương ứng với số cổ phần không đặt mua;

753
Y
DAN
ING
HỒ CHÍ

- Không thanh toán toàn bộ hoặc một phần số cổ phần được quyền mua theo kết quả đấu giá trong thời hạn quy định tại Quy chế này. Nhà đầu tư sẽ không được nhận lại số tiền đặt cọc tương ứng với số cổ phần từ chối mua. Trong trường hợp nhà đầu tư chỉ thanh toán một phần trong số cổ phần đã trúng đấu giá thì số cổ phần thanh toán của nhà đầu tư sẽ được Hội đồng bán đấu giá xét theo thứ tự mức giá đặt mua từ cao xuống thấp trong các mức giá đặt mua của nhà đầu tư đó.

2. Hội đồng bán đấu giá cổ phần có trách nhiệm xem xét xử lý các trường hợp vi phạm tại khoản 1 Điều này và các trường hợp vi phạm khác tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 19. Xử lý số cổ phần không bán hết hoặc bán đấu giá không thành công

Trường hợp thời hạn ba (03) ngày kể từ ngày xác định cuộc bán đấu giá không thành công hoặc số lượng cổ phần không bán hết, Tổ chức bán đấu giá cổ phần thông báo cho chủ sở hữu vốn để xử lý theo quy định.

Điều 20. Xử lý tiền đặt cọc.

- Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm hoàn trả tiền đặt cọc của nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không được mua cổ phần trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả đấu giá.

- Đối với các nhà đầu tư trúng đấu giá, khoản tiền đặt cọc được bù trừ vào tổng số tiền thanh toán mua cổ phần. Trường hợp tiền đặt cọc tham dự đấu giá của nhà đầu tư lớn hơn tiền thanh toán mua cổ phần trúng đấu giá, nhà đầu tư phải có văn bản gửi Tổ chức bán đấu giá trước thời hạn hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần trong trường hợp muốn từ chối mua cổ phần.

- Đối với khoản tiền đặt cọc không phải hoàn lại do nhà đầu tư vi phạm quy định tại Điều 18 Quy chế này, Tổ chức bán đấu giá có trách nhiệm chuyển về tài khoản nhận tiền thu từ chuyển nhượng vốn của chủ sở hữu vốn để xử lý theo quy định.

Điều 21. Các quy định khác.

1. Mọi thắc mắc khiếu nại của nhà đầu tư (nếu có) về trình tự, thủ tục đấu giá phải được nêu lên và giải quyết trong cuộc đấu giá. Hội đồng bán đấu giá không chịu trách nhiệm đối với các thắc mắc khiếu nại của nhà đầu tư sau khi cuộc đấu giá kết thúc.

2. Tổ chức bán đấu giá cổ phần không chịu trách nhiệm về giá trị của cổ phần bán đấu giá, trừ trường hợp không thông báo đầy đủ, chính xác những thông tin do Chủ sở hữu vốn đã cung cấp.

Điều 22. Hiệu lực thi hành.

Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

TP.HCM, ngày 07 tháng 07 năm 2021



Hồ Bình Minh



BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỔ PHẦN
CỦA CTCP ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG
ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP

TÊN MỤC	Trang
I. Tổ chức chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin	2
II. Các khái niệm và viết tắt	2
III. Giới thiệu về tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng	2
IV. Tình hình và đặc điểm của Công ty CP ICD Tân Cảng Cái Mép	3
V. Thông tin về việc tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn	6
VI. Mục đích chuyển nhượng vốn	7
VII. Các tổ chức có liên quan tới chuyển nhượng vốn	7
VIII. Báo cáo của chủ sở hữu vốn chuyển nhượng về nội dung thông tin trong bản công bố thông tin liên quan đến chủ sở hữu vốn chuyển nhượng	8
IX. Đại diện chủ sở hữu vốn chuyển nhượng ký, đóng dấu	8



NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. TỔ CHỨC CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ TÂN CẢNG

Ông: Lê Hoàng Linh

Chức vụ: Chủ tịch công ty

Ông: Lê Văn Cường

Chức vụ: Giám đốc

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN SÁNG LẬP Á CHÂU

Ông: Nguyễn Hữu Phong

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: A1-0612A Tầng 6, Khu nhà ở thương mại, Tòa nhà Gold View, 346 Bến Vân Đồn, F.1, Quận 4, TP. HCM.

II. CÁC KHÁI NIỆM VÀ VIẾT TẮT

Công ty	: Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Cái Mép
BCTC	: Báo cáo tài chính
CNĐKK	: Chứng nhận đăng ký kinh doanh
BKS	: Ban Kiểm soát
CP	: Cổ phần
HĐQT	: Hội đồng quản trị
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
CTCP	: Công ty cổ phần
Cty TCL	: Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng

III. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC LÀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

- Tên chủ sở hữu: Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng
- Địa chỉ: 470 đường Đồng Văn Cống, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 0283 7423207

Fax: 0283 742 3206

- Website: <http://tancanglogistics.com>

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0304875444, đăng ký lần đầu ngày 08/03/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 08/3/2021.

- Vốn điều lệ: 301.584.360.000 VNĐ (Ba trăm lẻ một tỷ năm trăm tám mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn)

- Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Đại lý vận tải đường biển. Đại lý tàu biển; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ lo-gi-stíc; Dịch vụ môi giới hàng hải. Kinh doanh vận tải đa phương thức quốc tế.

2. Mối quan hệ với công ty cổ phần có vốn đầu tư cần chuyển nhượng.

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng là cổ đông lớn của Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Cái Mép.

3. Số cổ phần sở hữu: 640.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 8% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CP ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Cái Mép được thành lập năm 2010 trên cơ sở tách ra từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu với vốn điều lệ 80 tỷ đồng để triển khai dự án Khu dịch vụ hậu cảng (14.8ha).

- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là xếp dỡ container và hàng hóa, bốc xếp hàng hóa cảng sông và cảng biển.

1.2. Giới thiệu về Công ty

- Tên Công ty : Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép
- Tên tiếng anh : ICD TAN CANG CAI MEP JOINT STOCK COMPANY
- Vốn điều lệ : **80.000.000.000** đồng, tương ứng với **8.000.000** cổ phần.
- Trụ sở chính : Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Điện thoại : 0971002727
- Giấy CNĐKKD số : 3501624452 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 31/05/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/07/2018.

1.3. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Xếp dỡ container và hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa cảng sông và cảng biển	5224 (Chính)
2	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
3	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
4	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng	4931
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Đại lý tàu biển; Đại lý hàng hải; Hoạt động lai dắt tàu biển	5222
6	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ logistic; Cung ứng tàu biển, kiểm đếm và đóng gói hàng hóa; Đại lý giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	5229
7	Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư	

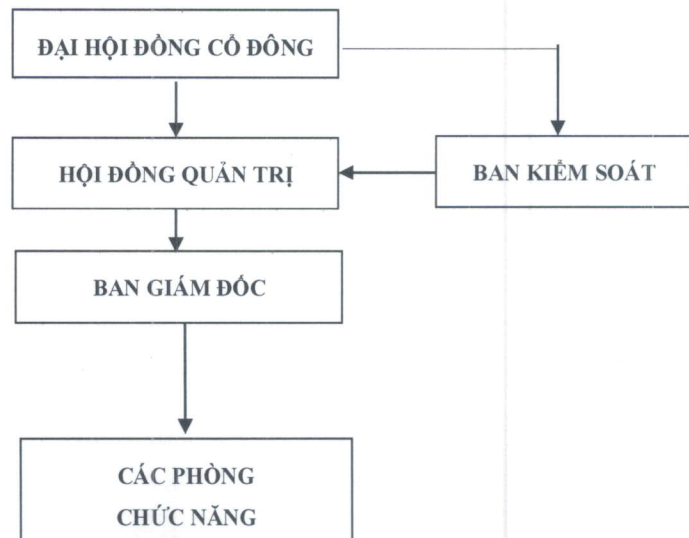


1.4. Quy mô hoạt động

Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Cái Mép hoạt động chủ yếu các dịch vụ xếp dỡ container, vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ.... Hiện nay Công ty đang trong quá trình chờ triển khai dự án Khu dịch vụ hậu cảng 14,8 ha tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Cơ cấu tổ chức công ty.

2.1. Sơ đồ tổ chức hoạt động của Công ty



2.2. Chức năng các bộ phận trong Công ty

Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền Quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để Quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động kinh doanh, hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Các thành viên hội đồng quản trị của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

Ban Kiểm soát: là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát của Công ty có nhiệm kỳ là 05 năm. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, BCTC của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc.

Ban Giám đốc: Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty. Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng thuê.

Chức năng nhiệm vụ cụ thể của các phòng thực hiện theo đúng quy định đã được Công ty ban hành.

3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 02 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản doanh thu thuần	0	0	0
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(3.000.000)	(3.000.000)	0
Lợi nhuận khác	0	0	0
Lợi nhuận trước thuế	(3.000.000)	(3.000.000)	0
Lợi nhuận sau thuế	(3.000.000)	(3.000.000)	0
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0	0	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0	0	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu			
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0	0	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần + Lợi nhuận sau thuế trên vốn cổ phần + Tỷ lệ chia cổ tức trên mệnh giá cổ phần			

5. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo: Công ty chưa có kế hoạch cụ thể về mặt lợi nhuận và cổ tức cho các năm tiếp theo.

6. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty: Không có.

7. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phần khi chuyển nhượng vốn: Không có.

V. THÔNG TIN VỀ VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng: 640.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 8% tổng số cổ phần đã phát hành theo vốn thực góp trong vốn điều lệ).

4. Giá khởi điểm đấu giá:

Theo Nghị quyết số 255A/NQ-HĐQT ngày 21/5/2021 của HĐQT Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty TCL tại Công ty CP ICD Tân Cảng Cái Mép theo phương thức đấu giá công khai theo phương thức thông thường, giá khởi điểm được phê duyệt là **10.000** đồng/Cổ phần.

5. Phương pháp/cơ sở tính giá khởi điểm:

Căn cứ trên Chứng thư thẩm định giá số 0027A/2103/HĐDN-CTAP do Công ty TNHH Tư vấn và Định giá Châu Thành phát hành ngày 05/4/2021 thì giá trị mỗi cổ phần CTCP ICD Tân cảng Cái Mép là **9.996** đồng/cổ phần.

Theo Nghị quyết 255A/NQ-HĐQT ngày 21/5/2021 của HĐQT Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Công ty TCL tại Công ty CP ICD Tân Cảng Cái Mép theo phương thức đấu giá công khai theo phương thức thông thường giá khởi điểm được phê duyệt là **10.000** đồng/Cổ phần.

6. Phương thức chuyển nhượng vốn: Số cổ phần được bán đấu giá công khai.

7. Tổ chức đấu giá:

- Tên tổ chức đấu giá: Công ty đấu giá hợp danh Toàn Thắng

- Địa chỉ: 52 Trần Bình Trọng, Phường 5, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh

8. Thời gian thực hiện chuyển nhượng vốn: Dự kiến quý III/2021.

9. Thời gian đăng ký mua cổ phần dự kiến: Thời gian bắt đầu đăng ký đấu giá cũng như các thông tin liên quan đến doanh nghiệp và cuộc bán đấu giá được công bố công khai cho tất cả các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Thời gian cụ thể được quy định tại Quy chế đấu giá do Công ty đấu giá hợp danh Toàn Thắng ban hành.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành và phù hợp với các điều ước quốc tế):

Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài tại CTCP ICD Tân cảng Cái Mép được quy định tại Nghị số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Hiện tại, CTCP ICD Tân cảng Cái Mép không có cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng vốn.

Số cổ phần CTCP ICD Tân cảng Cái Mép thuộc sở hữu của CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân cảng không bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật doanh nghiệp hiện hành.

12. Các loại thuế có liên quan.

Nhà đầu tư mua cổ phần CTCP ICD Tân cảng Cái Mép chịu các loại thuế theo quy định của pháp luật.

13. Các thông tin khác theo quy định của pháp luật phải công khai khi thực hiện chuyển nhượng vốn (như hồ sơ đấu giá, phương tiện, địa điểm công bố thông tin, chuyển nhượng vốn tại các ngân hàng thương mại cổ phần và các thông tin khác chưa có trong quy chế đấu giá và bản công bố thông tin này).

Hồ sơ đấu giá gồm:

+ Nghị quyết số 255A/NQ-HĐQT ngày 21/5/2021 của Hội đồng quản trị CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân cảng về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Cty TCL tại Công ty CP ICD Tân Cảng Cái Mép theo phương thức đấu giá công khai theo phương thức thông thường;

+ Bản công bố thông tin;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Cái Mép (mới nhất);

+ Điều lệ Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Cái Mép;

+ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019 và BCTC năm 2020 Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Cái Mép;

+ Chứng thư thẩm định giá Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Cái Mép;

+ Giấy xác nhận quyền sở hữu cổ phần và được phép chuyển nhượng tự do của Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Cái Mép.

VI. MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Việc chuyển nhượng cổ phần CTCP ICD Tân cảng Cái Mép thực hiện theo Nghị quyết số 255A/NQ-HĐQT ngày 21/5/2021 của HĐQT Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Cty TCL tại Công ty CP ICD Tân Cảng Cái Mép theo phương thức đấu giá công khai theo phương thức thông thường.

VII. CÁC TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Tổ chức là chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng

Địa chỉ: 470 đường Đồng Văn Cống, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0283 7423207 Fax: 0283 742 3206

Website: <http://tancanglogistics.com>

3754
CÔNG TY
HẠN
CÔNG NHẬN
XẾP DỠ
TÂN CẢNG
HỒ CHÍ MINH

2. Tổ chức có cổ phần được chuyển nhượng

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép

Địa chỉ: Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Điện thoại: 0971002727

3. Tổ chức định giá

Công ty TNHH Tư vấn và Định giá Châu Thành

Địa chỉ: 30/1F ấp Đông, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0909300096

VIII. BÁO CÁO CỦA CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG VỀ NỘI DUNG THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

IX. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG HOẶC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN, GIAO NHIỆM VỤ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2021

ĐẠI DIỆN CTCP ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỠ CẢNG

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Cường

Bình Thạnh, ngày 01 tháng 07 năm 2021

TRÍCH NGHỊ QUYẾT

Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn
Phiên họp lần thứ 14, Nhiệm kỳ II
(Đối với Công ty CP Đại lý Giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng)

Căn cứ Quy chế 6688/QC-BTL ngày 28/5/2020 của Bộ Tư lệnh Hải quân về hoạt động của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân cảng Sài Gòn (HĐTV TCT TCSG); mối quan hệ với cấp ủy, Bí thư Đảng ủy, Tổng Giám đốc TCT TCSG;

Căn cứ Nghị quyết số 4084/NQ-HĐTV ngày 05/1/2021 tại Phiên họp 14, Nhiệm kỳ II, Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn nhất trí thông qua chủ trương sau:

“1. Thông qua phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Cty TCL tại Công ty CP ICD Tân cảng Cái Mép và Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu nhằm thực hiện các thủ tục giải thể, thoái vốn tại các công ty cháu hoạt động ít hiệu quả theo chủ trương của HĐTV TCT TCSG tại Nghị quyết số 2461/NQ-HĐTV ngày 23/9/2019, Phiên họp 11, Nhiệm kỳ II, HĐTV TCT TCSG).

(1) Tại Công ty CP ICD Tân Cảng Cái Mép: Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn cổ phần của Công ty TCL sở hữu tại Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Cái Mép cụ thể như sau:

- Số cổ phần chuyển nhượng: 64.000 cổ phần, chiếm 8% vốn điều lệ Công ty CP ICD Tân Cảng Cái Mép; Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng; Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần; Giá trị sổ sách: 9.996 đồng/cổ phần;

- Hình thức chuyển nhượng: Bán đấu giá công khai theo phương thức thông thường.

- Giá khởi điểm bán đấu giá công khai: Không thấp hơn mệnh giá, giá trị sổ sách và giá theo chứng thư thẩm định giá.




(2) Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu: Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn cổ phần của Công ty TCL sở hữu tại Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu, cụ thể như sau:

- Số cổ phần chuyển nhượng: 160.000 cổ phần, chiếm 8% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu; Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng; Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.

- Hình thức chuyển nhượng: Bán đấu giá công khai theo phương thức thông thường.

- Giá khởi điểm bán đấu giá công khai: Không thấp hơn mệnh giá, giá trị sổ sách và giá theo chứng thư thẩm định giá.

Giao cho người đại diện phần vốn của TCT TCSG tại Công ty TCL chịu trách nhiệm chỉ đạo triển khai theo đúng các quy định. HĐTV phân công cho Thành viên HĐTV là Tổng Giám đốc thay mặt HĐTV cho ý kiến và ký các văn bản có liên quan các nội dung trên 0đề triển khai thực hiện đảm bảo trình tự thủ tục chặt chẽ”./. 

Nơi nhận:

- Người đại diện vốn Công ty TCL (01);
 - Lưu: VT, VP. N01.
- NE. 



Đỗ Văn Nam



Số: 255A/NQ-HĐQT

Thủ Đức, ngày 21 tháng 5 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**V/v phê duyệt phương án TCL thoái vốn tại Công ty Cổ phần ICD Tân cảng
Cái Mép và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hạ tầng Á Châu**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GNVT XẾP DỠ TÂN CẢNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động Cty CP ĐL GNVT Xếp dỡ Tân Cảng;
- Căn cứ tờ trình số: 218 /TT-TCL của Giám đốc công ty ngày 10 tháng 5 năm 2021 về việc đề nghị phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của TCL tại Công ty CP ICD Tân Cảng Cái Mép và Công ty CP Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu;
- Căn cứ Biên bản họp HĐQT Cty CP ĐL GNVT Xếp dỡ Tân Cảng ngày 21/5/2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Cty TCL tại Công ty CP ICD Tân Cảng Cái Mép theo phương thức đấu giá công khai theo phương thức thông thường với nội dung cụ thể như sau:

- Số cổ phần đang sở hữu: 640.000 cổ phần, chiếm 8% vốn điều lệ Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Cái Mép.
- Số cổ phần chuyển nhượng: 640.000 cổ phần, chiếm 8% vốn điều lệ Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Cái Mép.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Giá trị sổ sách: 9.996 đồng/cổ phần.
- Giá theo chứng thư thẩm định giá: 9.996 đồng/cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- Hình thức chuyển nhượng: Bán đấu giá công khai theo phương thức thông thường.
- Giá khởi điểm bán đấu giá công khai: 10.000 đồng/cổ phần.

Hội đồng quản trị giao cho Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện đấu giá công khai toàn bộ phần vốn góp của Cty TCL tại Công ty CP ICD Tân Cảng Cái Mép theo phương thức thông thường đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật, quy chế, quy định của TCT, Điều lệ công ty và các quy chế, quy định khác có liên quan.

Hội đồng quản trị giao cho Giám đốc công ty đàm phán với các tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá cam kết thực hiện làm các thủ tục đổi tên công ty (không có chữ Tân Cảng) trong thời gian không quá 6 tháng kể từ thời điểm nhận chuyển nhượng.

Điều 2. Thông qua phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Cty TCL tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu theo phương thức đấu giá công khai theo phương thức thông thường với nội dung cụ thể như sau:

- Số cổ phần đang sở hữu: 160.000 cổ phần, chiếm 8% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu.
- Số cổ phần chuyển nhượng: 160.000 cổ phần, chiếm 8% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Giá trị sổ sách: 10.049 đồng/cổ phần.
- Giá theo chứng thư thẩm định giá: 12.187 đồng/cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng.
- Hình thức chuyển nhượng: Bán đấu giá công khai theo phương thức thông thường.
- Giá khởi điểm bán đấu giá công khai: 12.187 đồng/cổ phần.

Hội đồng quản trị giao cho Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện đấu giá công khai toàn bộ phần vốn góp của Cty TCL tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu theo phương thức thông thường đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật, quy chế, quy định của TCT, Điều lệ công ty và các quy chế, quy định khác có liên quan.

Điều 3. Hiệu lực thi hành: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Ban Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu Văn thư, Thư ký Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Handwritten Signature]

Lê Hoàng Linh

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD
TÂN CẢNG CÁI MÉP**

Số: 772/TUM

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 07 tháng 07 năm 2021

XÁC NHẬN SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU

Công ty Cổ phần ICD Tân cảng Cái Mép xin thông báo số dư cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân cảng đến ngày ... /.../2021 mà quý cổ đông đang sở hữu:

- Tên cổ đông: Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân cảng
- Địa chỉ: 470 đường Đồng Văn Cống, Phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0283 7423207
- Mã cổ đông:
- Số lượng cổ phần đang sở hữu: 640.000 cổ phần;
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần;
- Tổng giá trị cổ phần theo mệnh giá: 6.400.000.000 đồng;
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông;
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật: 640.000 cổ phần;
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP
GIÁM ĐỐC**



PHẠM TRUNG NGHỊ

BẢN SAO

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3501624452

Đăng ký lần đầu: ngày 31 tháng 05 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 02 tháng 07 năm 2018

Được tách từ công ty cổ phần Đầu tư và Dịch vụ hạ tầng Á Châu, GCN ĐKDN số 3500822042 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 31/10/2007

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP
Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ICD TAN CANG CAI MEP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0971002727

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Tám mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 8.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM TRUNG NGHỊ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 31/12/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

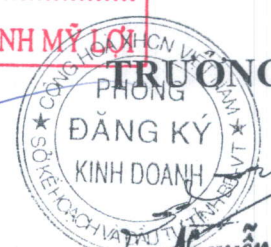
Số giấy chứng thực cá nhân: 030078002727

Ngày cấp: 17/02/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú & DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 5 Nguyễn Chí Thành, Phường Tân Bình, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 96 Lê Quảng Định, Phường 14, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



Võ Thị Thanh Thủy

Nguyễn Văn Cường

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG
ĐĂNG KÝ
KINH DOANH

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực.....
Quyển số: 37-03-2021
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Thị trấn Thanh Bình

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐẤN SAO

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 02 tháng 07 năm 2018

Số:



25089/18

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*
Địa chỉ trụ sở: *Khu B3 Trung Tâm Hành Chính - Chính Trị Tỉnh Số 198 Bạch Đằng,
Phường Phước Trung, Thành phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*
Điện thoại: 0254 385 1381 Fax:
Email: *dkkd.vungtau@gmail.com* Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 3501624452

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
2	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
3	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Xếp dỡ container và hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa cảng sông và cảng biển	5224(Chính)
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Đại lý tàu biển; Đại lý hàng hải; Hoạt động lai dắt tàu biển	5222
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ logistic; Cung ứng tàu biển, kiểm đếm và đóng gói hàng hóa; Đại lý giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu	5229
6	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng	4931



STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; MSDN đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH NHỰA ĐẠI HÙNG	414 (Lầu 5) Lũy Bán Bích, Phường Hoà Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	4.080.000	40.800.000.000	51	0301421467	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	40.800.000.000	51		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	40.800.000.000	51		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	40.800.000.000	51		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	40.800.000.000	51		
			Tổng số	4.080.000	40.800.000.000	51		

Handwritten signature



Chứng thực bản sao đúng với bản chính
 Số chứng thực: 1003022
 Ngày: 14-09-2023
 PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI



Trang 1/1

2	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG	1295B Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	640.000	6.400.000.000	8	0304875444
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	6.400.000.000	8	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	6.400.000.000	8	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	6.400.000.000	8	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	6.400.000.000	8	
			Tổng số	640.000	6.400.000.000	8	
3	PHẠM CAO PHÚC	Số 251 Hai Bà Trưng, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	3.280.000	32.800.000.000	41	022439057
			Tổng số	3.280.000	32.800.000.000	41	

Nơi nhận:

-CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP. Địa chỉ:Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

- Lưu: Nguyễn Thị Bạch Tuyết.....

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Cường

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực:.....

1003955

Quyển số:.....

31-03-2018

Ngày.....

P. CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG THẠNH MỸ LỢI



Võ Thị Thanh Thủy

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP

SAO Y BẢN CHÍNH
TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2024



GIÁM ĐỐC
Phạm Trung Nghi

Bà Rịa Vũng Tàu, tháng 11 năm 2013

PHẦN MỞ ĐẦU	4
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Định nghĩa	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	4
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	5
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	5
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	6
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 9. Thu hồi cổ phần	8
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	13
Điều 16. Thay đổi các quyền	13
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	21
Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị	23
Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	24
VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	27
Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý	27
Điều 29. Cán bộ quản lý	28
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành	28

Điều 31. Thư ký Công ty.....	29
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	30
Điều 32. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.....	30
Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	30
Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	31
X. BAN KIỂM SOÁT.....	32
Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát.....	32
Điều 36. Ban kiểm soát.....	33
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	34
Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	34
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	34
Điều 38. Công nhân viên và công đoàn.....	34
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	35
Điều 39. Cổ tức.....	35
Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	36
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	36
Điều 41. Tài khoản ngân hàng.....	36
Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.....	36
Điều 43. Năm tài khóa.....	36
Điều 44. Hệ thống kế toán.....	36
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	37
Điều 45. Kiểm toán.....	37
XVI. CON DẤU.....	37
Điều 46. Con dấu.....	37
XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....	37
Điều 47. Chấm dứt hoạt động.....	37
Điều 48. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	38
Điều 49. Thanh lý.....	38
Điều 50. Chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị.....	38

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 29 tháng 11 năm 2013 với các chương, điều, khoản sau đây:

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.
 - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - d. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc điều hành, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
 - f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - g. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP
 - Tên tiếng Anh : ICD TAN CANG CAI MEP JOINT STOCK COMPANY
 - Tên viết tắt :
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở : Cảng Tân Cảng - Cái Mép, Xã Tân Phước, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
- Điện thoại : Fax:
- Website :
- Email :

4. Giám đốc điều hành là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 47.2 và Điều 48. Thời gian hoạt động của Công ty kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và tuân theo quy định của pháp luật

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Xếp dỡ container và hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa cảng sông và cảng biển)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa.
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt). Chi tiết: vận tải hành khách theo hợp đồng.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy. Chi tiết: Đại lý tàu biển; đại lý hàng hải; Hoạt động lai dắt tàu biển.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ logistics; cung ứng tàu biển, kiểm đếm và đóng gói hàng hóa; đại lý giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận có thể có được của Công ty cho cổ đông và cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty, bảo đảm lợi ích cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 80.000.000.000 đ (Tám mươi tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 8.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đ/cổ phần.
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11 và Điều 12.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục “Danh sách cổ đông sáng lập” đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.

đồng là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

n. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị

nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
 - d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - c. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này

- không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- d. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
 - e. Lựa chọn công ty kiểm toán;
 - f. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành;
 - g. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập cho các cổ đông khác mà không phải là cổ đông sáng lập phải được sự đồng ý của các cổ đông sáng lập còn lại;
 - j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất
 - p. Việc Giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - q. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có

- nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
 4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng

người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có,

- website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
 5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:
 - a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
 6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
 7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị của Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu tối thiểu ba người.
3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một hoặc hai thư ký để phục vụ công tác ghi chép và lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại,



biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết họp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.
9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.
10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
 - a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty
 - c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành.
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- 6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
- 8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông;

đồng trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là ba (03) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá ba (03) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử một thành viên; từ 20% đến dưới 30% có quyền đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% có quyền đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội

- đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
 7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
 8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 5% tổng giá trị tài sản ghi trong Báo cáo tài chính của công ty được công bố tại quý gần nhất;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

- i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
 6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
 8. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
 9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Phó chủ tịch Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả

năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.
3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.
4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.
Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.
9. Biểu quyết.
 - a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 33.4a và Điều 33.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:
 - a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao

của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị pháp lý ngang nhau. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
16. Giá trị pháp lý của hành động: Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc điều hành hoặc một số Phó Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc điều hành và các Phó Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
2. Mức lương, tiền thù lao, và các khoản lợi ích khác đối với Giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.

Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành

1. Bổ nhiệm: Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.
3. Quyền hạn và nhiệm vụ: Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
 - d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

- e. Vào ngày 15 tháng 11 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.
 - f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
 - g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
 - i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc điều hành và pháp luật.
4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông: Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
 5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế. Giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 31. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 32. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện.

- hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có ba (03) thành viên. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Cổ đông nắm giữ dưới 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền đề cử một thành viên; từ 20% đến dưới 30% có quyền đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% có quyền đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.
3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là ba (03) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
5. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.
6. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 36. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:
 - a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị; Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung

cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.
4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.3 và Điều 35.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty, danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Công nhân viên và công đoàn

Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn

được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 39. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn

cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 43. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó.

Điều 44. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CÔNG TY CỔ ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP

*Địa chỉ: Tòa nhà Tổng Công Ty Tân Cảng Sài Gòn, phường Tân Phước
thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu*

.....

BÁO CÁO
TÀI CHÍNH

NĂM 2019

Bà Rịa – Vũng Tàu, Tháng 2 Năm 2020

Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		20,000,000	23,000,000
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110		20,000,000	23,000,000
1. Tiền	111		20,000,000	23,000,000
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		-	-
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.1	-	-
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

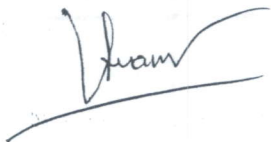
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		79,970,000,000	79,973,000,000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.2	79,970,000,000	79,973,000,000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(30,000,000)	(27,000,000)
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(27,000,000)	(24,000,000)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3,000,000)	(3,000,000)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		80,020,000,000	80,023,000,000

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2020

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Thị Thuận

Trần Thị Thuận

Phạm Trung Nghị

Bản thuyết minh báo cáo tài chính là phần không thể tách rời của Báo cáo này.



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

Đơn vị tính: VND

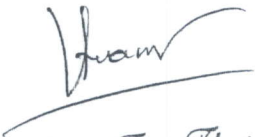
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm nay	Năm trước
----------	-------	----	---------	-----------

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2020


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Trần Thị Thuận


Trần Thị Thuận


Phạm Trung Nghị

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2019

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn:
2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại dịch vụ
3. Ngành nghề kinh doanh:
4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:
6. Cấu trúc doanh nghiệp
 - Danh sách các công ty con
 - Danh sách các công ty liên doanh, liên kết
 - Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính (có so sánh được hay không, nếu không so sánh được phải nêu rõ lý do như vì chuyển đổi hình thức sở hữu, chia tách, sáp nhập, nêu độ dài về kỳ so sánh...)

II- Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1- Kỳ kế toán năm Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: VND

III- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)
2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán: Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành

IV- Các chính sách kế toán áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp hoạt động liên tục

1. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam (Trường hợp đồng tiền ghi sổ kế toán khác với Đồng Việt Nam); Ảnh hưởng (nếu có) do việc chuyển đổi Báo cáo tài chính từ đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.
2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán.
3. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền.
4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.
5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính
 - a) Chứng khoán kinh doanh;
 - b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
 - c) Các khoản cho vay;
 - d) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;
 - đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác;
 - e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính.
6. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu
7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân cuối kỳ
 - Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:
 - Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

8. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:
9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh.
10. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại.
11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.
12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:
13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.
14. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay.
15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.
16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:
17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện.
18. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu chuyển đổi.
19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:
 - Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.
 - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:
 - Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:
 - Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:
20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:
 - Doanh thu bán hàng:
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ:
 - Doanh thu hoạt động tài chính:
 - Doanh thu hợp đồng xây dựng:
 - Thu nhập khác
21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu
22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.
23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:
24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.
25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.
26. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác.

V. Các chính sách kế toán áp dụng (trong trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

1. Có tái phân loại tài sản dài hạn và nợ phải trả dài hạn thành ngắn hạn không?
2. Nguyên tắc xác định giá trị từng loại tài sản và nợ phải trả (theo giá trị thuần có thể thực hiện được, giá trị có thể thu hồi, giá trị hợp lý, giá trị hiện tại, giá hiện hành...)
3. Nguyên tắc xử lý tài chính đối với:
 - Các khoản dự phòng;
 - Chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá (còn đang phản ánh trên Bảng cân đối kế toán – nếu có).

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

01. Tiền

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền mặt	20,000,000	23,000,000
- Tiền gửi ngân hàng		
- Tiền đang chuyển		
Cộng	20,000,000	23,000,000

02. Các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh

Chỉ tiêu	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng

- Tổng giá trị cổ phiếu (chi tiết từng loại cổ phiếu chiếm từ 10% trên tổng giá trị cổ phiếu trở lên)						
- Tổng giá trị trái phiếu (chi tiết từng loại trái phiếu chiếm từ 10% trên tổng giá trị trái phiếu trở lên)						
- Các khoản đầu tư khác						

- Lý do thay đổi đối với từng khoản đầu tư/loại cổ phiếu, trái phiếu

Về số lượng:

Về giá trị:

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
b1) Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn				
- Trái phiếu				
- Các khoản đầu tư khác				
b2) Dài hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn				
- Trái phiếu				
- Các khoản đầu tư khác				

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (chi tiết theo từng khoản đầu tư theo tỷ lệ vốn nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết)

Chỉ tiêu	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con						
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;						
- Đầu tư vào đơn vị khác;						

- Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ;
- Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong kỳ
- Trường hợp không xác định được giá trị hợp lý thì giải trình lý do.

03. Phải thu của khách hàng

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng		
- Các khoản phải thu khách hàng khác		
b) Phải thu của khách hàng dài hạn (tương tự ngắn hạn)		
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng)		

04. Phải thu khác

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về cổ phần hoá;				
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;				
- Phải thu người lao động;				
- Ký cược, ký quỹ				
- Cho mượn;				

- Các khoản chi hộ;			
- Phải thu khác.			
b) Dài hạn			
- Phải thu về cổ phần hoá;			
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia;			
- Phải thu người lao động;			
- Ký cược, ký quỹ			
- Cho mượn;			
- Các khoản chi hộ;			
- Phải thu khác.	80,000,000,000		80,000,000,000
Cộng	80,000,000,000		80,000,000,000

05. Tài sản thiếu chờ xử lý (Chi tiết từng loại tài sản thiếu)

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a) Tiền;				
b) Hàng tồn kho;				
c) TSCĐ;				
d) Tài sản khác.				

06. Nợ xấu

Chỉ tiêu	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi (trong đó chi tiết thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng nếu khoản nợ phải thu theo từng đối tượng đó chiếm						
- Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu:						
- Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn.						
Cộng						

07. Hàng tồn kho

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi trên đường				
- Nguyên liệu, vật liệu				
- Công cụ, dụng cụ				
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
- Thành phẩm				
- Hàng hóa				
- Hàng gửi đi bán				
- Hàng hóa kho bảo thuế				

- Hàng hóa bất động sản			
Cộng			

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ; Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ;
- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

08. Tài sản dở dang dài hạn

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn (Chi tiết cho từng loại, nêu lý do vì sao không hoàn thành trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường)				
b) Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết cho các công trình chiếm từ 10% trên tổng giá trị XDCB)				
- Mua sắm;				
- XDCB;				
- Sửa chữa.				
Cộng				

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm, súc vật làm việc cho sản phẩm	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm							
- Mua trong năm							
- Đầu tư XDCB hoàn thành							
- Tăng khác							
- Chuyển sang bất động sản đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm							
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm							
- Khấu hao trong năm							
- Tăng khác							
- Chuyển sang bất động sản đầu tư							
- Thanh lý, nhượng bán							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm							
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm							
- Tại ngày cuối năm							

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản cho vay;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý;
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai;

- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình:

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy phép nhượng quyền	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá								
Số dư đầu năm								
- Mua trong năm								
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp								
- Tăng do hợp nhất kinh doanh								
- Tăng khác								
- Thanh lý, nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm								
Giá trị hao mòn lũy kế								
Số dư đầu năm								
- Khấu hao trong năm								
- Tăng khác								
- Thanh lý nhượng bán								
- Giảm khác								
Số dư cuối năm								
Giá trị còn lại								
- Tại ngày đầu năm								
- Tại ngày cuối năm								

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng:
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác:

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tài sản cố định vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số dư đầu năm							
- Mua tại chính trong năm							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác							
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm							
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm							
- Khấu hao trong năm							
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							
- Tăng khác							

- Trả lại TSCĐ thuế tài chính							
- Giảm khác							
Số dư cuối năm							
Giá trị còn lại							
- Tại ngày đầu năm							
- Tại ngày cuối năm							

* Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm:

* Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm:

* Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản:

12. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Giảm trong năm	Tăng trong năm	Số cuối năm
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Tồn thất do suy giảm giá trị				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà				
- Nhà và quyền sử dụng đất				
- Cơ sở hạ tầng				

- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay;
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá;
- Thuyết minh số liệu và giải trình khác.

13. Chi phí trả trước

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ;		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;		
- Chi phí đi vay;		
- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có giá trị lớn).		
b) Dài hạn		
- Chi phí thành lập doanh nghiệp		
- Chi phí mua bảo hiểm;		
- Các khoản khác (nêu chi tiết nếu có giá trị lớn).		
Cộng		

14. Tài sản khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		
b) Dài hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		
Cộng		

15. Vay và nợ thuê tài chính

Chỉ tiêu	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số không có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số không có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
.....						
b) Vay dài hạn						
.....						
Cộng						

c) Các khoản nợ thuê tài chính

Thời hạn	Năm nay			Năm trước		
	Tổng khoản Thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản Thanh toán tiền thuê tài	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
- Từ 1 năm trở xuống						
- Trên 1 năm đến 5 năm						
- Trên 5 năm						

d) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
- Vay:				
- Nợ thuê tài chính:				
- Lý do chưa thanh toán				
Cộng				

đ) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

.....

16. Phải trả người bán

Chỉ tiêu	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ

a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả				
- Phải trả cho các đối tượng khác				
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn (chi tiết tương tự ngắn hạn)				
Cộng				
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
- Chi tiết từng đối tượng chiếm 10% trở lên trên tổng số quá hạn;				
- Các đối tượng khác				
Cộng				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)				

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp (chi tiết theo từng loại thuế)				
- Thuế giá trị gia tăng				
- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
- Thuế xuất nhập khẩu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
- Thuế thu nhập cá nhân				
- Thuế tài nguyên				
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất				
- Các loại thuế khác				
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
Cộng				
b) Phải thu (chi tiết theo từng loại thuế)				
- Thuế giá trị gia tăng				
- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
- Thuế xuất nhập khẩu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
- Thuế thu nhập cá nhân				
- Thuế tài nguyên				
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất				
- Các loại thuế khác				
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác				
Cộng				

18. Chi phí phải trả

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép		
- Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh		
- Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm BĐS đã bán		
- Các khoản trích trước khác		
b) Dài hạn		
- Lãi vay		
- Các khoản khác (chi tiết từng khoản)		

.....		
Cộng		

19. Phải trả khác

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết		
- Kinh phí công đoàn		
- Bảo hiểm xã hội		
- Bảo hiểm y tế		
- Bảo hiểm thất nghiệp		
- Phải trả về cổ phần hóa		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		
Cộng		
b) Dài hạn (chi tiết theo từng khoản mục)		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		
c) Phải trả khác	50,000,000	50,000,000
Cộng	50,000,000	50,000,000

d) Số nợ quá hạn chưa thanh toán (chi tiết từng khoản mục, lý do chưa thanh toán nợ quá hạn)

20. Doanh thu chưa thực hiện

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước;		
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống;		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.		
Cộng		
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước;		
- Doanh thu từ chương trình khách hàng truyền thống;		
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác.		
Cộng		
c) Khả năng không thực hiện được hợp đồng với khách hàng (chi tiết từng khoản mục, lý do không có khả năng thực hiện).		

21. Trái phiếu phát hành

21.1. Trái phiếu thường (chi tiết theo từng loại)

Chỉ tiêu	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
a) Trái phiếu phát hành						
- Loại phát hành theo mệnh giá;						
- Loại phát hành có chiết khấu;						
- Loại phát hành có phụ trội.						
Cộng						

b) Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ (theo từng loại trái phiếu)						
.....						
Cộng						

21.2. Trái phiếu chuyển đổi

a. Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ:

- Thời điểm phát hành, kỳ hạn gốc và kỳ hạn còn lại từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Mệnh giá, lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi.

b. Trái phiếu chuyển đổi phát hành thêm trong kỳ:

- Thời điểm phát hành, kỳ hạn gốc từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Mệnh giá, lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi.

c. Trái phiếu chuyển đổi được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ:

- Số lượng từng loại trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu trong kỳ; Số lượng cổ phiếu phát hành thêm trong kỳ để chuyển đổi trái phiếu;
- Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi tăng vốn chủ sở hữu.

d. Trái phiếu chuyển đổi đã đáo hạn không được chuyển thành cổ phiếu trong kỳ:

- Số lượng từng loại trái phiếu đã đáo hạn không chuyển đổi thành cổ phiếu trong kỳ;
- Giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được hoàn trả cho nhà đầu tư

e. Trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm cuối kỳ:

- Kỳ hạn gốc và kỳ hạn còn lại từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Số lượng từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Mệnh giá, lãi suất từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Tỷ lệ chuyển đổi thành cổ phiếu từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Lãi suất chiết khấu dùng để xác định giá trị phần nợ gốc của từng loại trái phiếu chuyển đổi;
- Giá trị phần nợ gốc và phần quyền chọn cổ phiếu của từng loại trái phiếu chuyển đổi.

g) Thuyết minh chi tiết về trái phiếu các bên liên quan nắm giữ (theo từng loại trái phiếu)

22. Cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả

- Mệnh giá;
- Đối tượng được phát hành (ban lãnh đạo, cán bộ, nhân viên, đối tượng khác);
- Điều khoản mua lại (Thời gian, giá mua lại, các điều khoản cơ bản khác trong hợp đồng phát hành);
- Giá trị đã mua lại trong kỳ;
- Các thuyết minh khác.

23. Dự phòng phải trả

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa;		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng;		
- Dự phòng tái cơ cấu;		

22-C
Y
TÁN
CÁN
MÉP
BARIA

- Dự phòng phải trả khác (Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ, chi phí hoàn nguyên môi trường...)		
Cộng		
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa;		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng;		
- Dự phòng tái cơ cấu;		
- Dự phòng phải trả khác (Chi phí sửa chữa TSCĐ định kỳ, chi phí hoàn nguyên môi trường...)		
Cộng		

24. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
a - Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng		
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
b - Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế		
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại		

25. Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	LNST chưa phân phối và các quỹ	Các khoản mục khác	Tổng cộng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số dư đầu năm trước	80,000,000,000								80,000,000,000
- Tăng vốn trong năm trước									
- Lãi trong năm trước									
- Tăng khác									
- Giảm vốn trong năm trước									
- Lỗ trong năm trước									
- Giảm khác									
Số dư đầu năm nay	80,000,000,000								80,000,000,000
- Tăng vốn trong năm nay									
- Lãi trong năm nay									
- Tăng khác									
- Giảm vốn trong năm nay									
- Lỗ trong năm nay									
- Giảm khác									
Số dư cuối năm nay	80,000,000,000								80,000,000,000

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Vốn góp của công ty mẹ (nếu là công ty con)		
- Vốn góp của các đối tượng khác		
Cộng		

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm		
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d. Cổ phiếu

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là VCSH)		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

đ- Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

e- Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển:
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu:

g- Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể:

-
-

26. Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Lí do thay đổi giữa số đầu năm và cuối năm (đánh giá lại trong trường hợp nào, tài sản nào được đánh giá lại, theo quyết định nào?...).		

27. Chênh lệch tỷ giá

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND		
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh vì các nguyên nhân khác (nói rõ nguyên nhân)		

28. Nguồn kinh phí

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm		
- Chi sự nghiệp		
- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm		

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

a) Tài sản thuê ngoài: Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn

Chỉ tiêu	Cuối năm	Đầu năm
- Từ 1 năm trở xuống;		
- Trên 1 năm đến 5 năm;		
- Trên 5 năm;		

b) Tài sản nhận giữ hộ: Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết về số lượng, chủng loại, quy cách, phẩm chất tại thời điểm cuối kỳ:

Mã hàng	Tên hàng	Chủng loại, quy cách, phẩm chất	ĐVT	Số lượng
	Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác:			
	- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, nhận cầm cố, thế chấp:			

c) Ngoại tệ các loại: Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ tính theo nguyên tệ. Vàng tiền tệ phải trình bày khối lượng theo đơn vị tính trong nước và quốc tế Ounce, thuyết minh giá trị tính theo USD

d) Vàng tiền tệ: Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết giá gốc, số lượng (theo đơn vị tính quốc tế) và chủng loại các loại vàng tiền tệ

đ) Nợ khó đòi đã xử lý: Doanh nghiệp phải thuyết minh chi tiết giá trị (theo nguyên tệ và VND) các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong vòng 10 năm kể từ ngày xử lý theo từng đối tượng, nguyên nhân đã xóa sổ kế toán nợ khó đòi

e) Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

30. Các thông tin khác do doanh nghiệp tự thuyết minh, giải trình.

VII - Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 01)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
a. Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng		
+ Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ;		
+ Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính;		
Cộng		
b) Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng).		
c) I rường hợp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản là tổng số tiền nhận trước, doanh nghiệp phải thuyết minh thêm để so sánh sự khác biệt giữa việc ghi nhận doanh thu theo phương pháp phân bổ dần theo thời gian cho thuê; Khả năng suy giảm lợi nhuận và luồng tiền trong tương lai do đã ghi nhận doanh thu đối với toàn bộ số tiền nhận trước.		

2. Các khoản giảm trừ doanh thu (Mã số 02)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
Cộng		

3. Giá vốn hàng bán (Mã số 11)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán		
Trong đó: Giá vốn trích trước của hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán bao gồm:		
+ Hạng mục chi phí trích trước		
+ Giá trị trích trước vào chi phí của từng hạng mục		
+ Thời gian chi phí dự kiến phát sinh.		
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
- Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của BĐS đầu tư		
- Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư		
- Giá trị hàng tồn kho mất mát trong kỳ		
- Giá trị từng loại hàng tồn kho hao hụt ngoài định mức trong kỳ		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán		
Cộng		

4. Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay		
- Lãi bán các khoản đầu tư		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia		
- Lãi chênh lệch tỷ giá		
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán		
- Doanh thu hoạt động tài chính khác		
Cộng		

5. Chi phí tài chính (Mã số 22)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay		
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm		
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính		
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư		
- Chi phí tài chính khác		
- Các khoản ghi giảm chi phí tài chính.		
Cộng		

6. Thu nhập khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		
- Lãi do đánh giá lại tài sản;		
- Tiền phạt thu được;		
- Thuế được giảm;		
- Các khoản khác.		
Cộng		

7. Chi phí khác

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;		

- Lỗ do đánh giá lại tài sản;		
- Các khoản bị phạt;		
- Các khoản khác.		
Cộng		

8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN;		
- Các khoản chi phí QLDN khác.		
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng;		
- Các khoản chi phí bán hàng khác.		
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa;		
- Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác;		
- Các khoản ghi giảm khác.		

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu		
- Chi phí nhân công		
- Chi phí khấu hao tài sản cố định		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài		
- Chi phí khác bằng tiền		
Cộng		

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng		
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		

VIII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính		
- Mua doanh nghiệp thông qua phát hành cổ phiếu		
- Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu		

4452
 TY
 HẠN
 CÔNG
 MẾP
 RIA-V

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

3. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:

- Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường;
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường;
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi;
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả;
- Tiền thu từ giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán;
- Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác.

4. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường;
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường;
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi;
- Tiền trả nợ gốc cổ phiếu ưu đãi phân loại là nợ phải trả;
- Tiền chi trả cho giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ và REPO chứng khoán;
- Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác

IX- Những thông tin khác

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2 - Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3 - Thông tin về các bên liên quan (Ngoài các thông tin đã được thuyết minh ở các phần trên):

4 - Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của chuẩn mực kế toán số 28 "Báo cáo bộ phận":

5 - Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6 - Những thông tin khác:

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Trần Thị Thuận

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Thị Thuận

Lập, Ngày 17 tháng 09 năm 2020



Phạm Trung Nghị



CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

MỤC LỤC

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 7
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 16



CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP

Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. CÁC THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Thành lập

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 3501624452 ngày 31 tháng 05 năm 2010 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 2 ngày 02 tháng 07 năm 2018.

Hoạt động chính của công ty:

- Xếp dỡ container và hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa cảng sông và cảng biển.
- Dịch vụ logistic; Cung ứng tàu biển, kiểm đếm và đóng gói hàng hóa; Đại lý giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu
- Đại lý tàu biển; Đại lý hàng hải; Hoạt động lai dắt tàu biển.
- Vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy (trừ xe buýt).

Trụ sở chính tại: Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

2. THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng thành viên

Lê Văn Cường

Chủ tịch

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Phạm Trung Nghi

Giám đốc

Trần Thị Thuận

Kế toán trưởng

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

4. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, cũng như tình hình hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc phải:

- Lựa chọn và áp dụng thích hợp các chính sách kế toán 1 cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Đảm bảo sổ sách kế toán được ghi chép và lưu trữ một cách phù hợp;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo vệ tài sản của công ty, ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP

Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

5. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc năm tài chính hiện hành đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

6. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm Toán tư vấn Sáng Lập Á Châu (FCA) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục thực hiện công việc kiểm toán cho năm tài chính kế tiếp.

7. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc đã phê duyệt Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Thay mặt Hội Đồng Thành Viên



Phạm Trung Nghị
Giám đốc

Số: 020321/BCKT/FCA-ICD

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP, được lập tại ngày 02 tháng 03 năm 2021, từ trang 4 đến trang 16, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn chứa đựng các sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN ICD TÂN CẢNG CÁI MÉP vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN SÁNG LẬP Á CHÂU



NGUYỄN HỮU PHONG

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3086-2020-227-1

NGUYỄN VĂN BÌNH QUỐC

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3625-2021-227-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		17.000.000	20.000.000
I. Tiền & các khoản tương đương tiền	110		17.000.000	20.000.000
1. Tiền	111		17.000.000	20.000.000
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		-	-
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.1	-	-
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210+220+230+240+250+260)	200	TM	80.000.000.000	80.000.000.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		80.000.000.000	80.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		80.000.000.000	80.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221		-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		80.017.000.000	80.020.000.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		50.000.000	50.000.000
I. Nợ ngắn hạn	310		50.000.000	50.000.000
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311		-	-
2. Người mua trả tiền trước	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		-	-
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		50.000.000	50.000.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị tính: VND

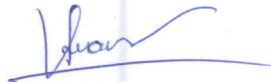
NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		79.967.000.000	79.970.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.2	79.967.000.000	79.970.000.000
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(33.000.000)	(30.000.000)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(30.000.000)	(27.000.000)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(3.000.000)	(3.000.000)
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		80.017.000.000	80.020.000.000

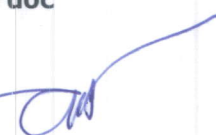
Tp.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Thuận

Trần Thị Thuận

Phạm Trung Nghị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị tính: VND

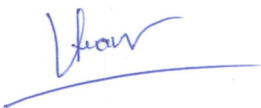
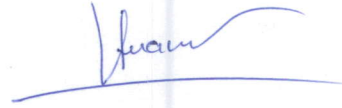
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		-	-
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.1	3.000.000	3.000.000
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(3.000.000)	(3.000.000)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(3.000.000)	(3.000.000)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.2	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(3.000.000)	(3.000.000)

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Thuận

Trần Thị Thuận

Phạm Trung Nghị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		-	-
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-	-
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-	-
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		-	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(3.000.000)	(3.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.000.000)	(3.000.000)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(3.000.000)	(3.000.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp trực tiếp)***CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

Đơn vị tính: VND

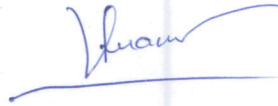
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	TM	Năm nay	Năm trước
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20.000.000	23.000.000
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		17.000.000	20.000.000

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Thuận

Trần Thị Thuận

Phạm Trung Nghi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần ICD Tân Cảng Cái Mép là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Vận tải hàng hóa, hành khách.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xếp dỡ container và hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa cảng sông và cảng biển.
- Dịch vụ logistic; Cung ứng tàu biển, kiểm đếm và đóng gói hàng hóa; Đại lý giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu
- Đại lý tàu biển; Đại lý hàng hải; Hoạt động lai dắt tàu biển.
- Vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy (trừ xe buýt).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Kỳ báo cáo cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Ban Giám đốc đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Giao dịch làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;

Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm, sau khi bù trừ lẫn lố tỷ giá phát sinh kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Tăng giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng).

Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính và thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.



5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

Trong năm, Công ty quản lý và trích khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013, cụ thể như sau:

TSCĐ hữu hình:**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian
Máy móc thiết bị	05 - 10 Năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 Năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 Năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp dịch vụ, được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong chi tiết từng đối tượng phải trả, tài khoản này phản ánh cả số tiền đã ứng trước cho người bán, người cung cấp.

Các khoản nợ phải trả cho người bán được theo dõi chi tiết theo từng loại nguyên tệ.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay phản ánh giá trị các khoản tiền đi vay và tình hình thanh toán các khoản tiền vay của doanh nghiệp (không phản ánh các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu). Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Căn cứ vào thời gian trả nợ kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo) hoặc là vay và nợ thuê tài chính dài hạn (có thời gian trả nợ hơn 12 tháng).

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, như: chi phí dịch vụ, thuê ngoài, ...

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:**

- Vốn góp của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các thành viên góp vốn đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo Giấy phép đầu tư mà các thành viên đã góp.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận này được phân phối cho các thành viên góp vốn sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được nhất trí trong cuộc họp.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu từ các dịch vụ gia công được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa được gia công và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ trong kỳ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

(ii) Thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

15. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc dưới quyền chịu sự kiểm soát chung của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt trong Ban Lãnh đạo, các nhân viên quản lý công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	17.000.000	20.000.000
Cộng	17.000.000	20.000.000

2. Phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cp ĐT & DV hạ Tầng Á Châu	80.000.000.000	80.000.000.000
Cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

3. Phải trả khác

	Số cuối năm	Số cuối năm
Phạm Cao Phúc	50.000.000	50.000.000
Cộng	50.000.000	50.000.000

4. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

KHOẢN MỤC	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000.000	(27.000.000)	79.973.000.000
Lãi /(lỗ) năm trước	-	(3.000.000)	(3.000.000)
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	(30.000.000)	79.970.000.000
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	(30.000.000)	79.970.000.000
Lãi /(lỗ) trong năm nay	-	(3.000.000)	(3.000.000)
Số dư cuối năm nay	80.000.000.000	(33.000.000)	79.967.000.000

Tòa nhà Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

b. Chi tiết các thành viên góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Theo giấy phép kinh doanh		Vốn điều lệ đã góp	
	VND	tỷ lệ	VND	tỷ lệ
- Công ty CP Nhựa Đại Hưng	40.800.000.000	51,00%	40.800.000.000	51,00%
- Công ty CP ĐL GNVN XD Tân Cảng	6.400.000.000	8,00%	6.400.000.000	8,00%
- Phạm Cao Phúc	32.800.000.000	41,00%	32.800.000.000	41,00%
Cộng	80.000.000.000	100%	80.000.000.000	100,00%

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Cộng	3.000.000	3.000.000

2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
a. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.000.000)	(3.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.000.000)	(3.000.000)
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Kết chuyển lỗ năm trước	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.000.000)	(3.000.000)
b. Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Không có

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc kỳ kế toán.


Tp. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc







Trần Thị Thuận

Trần Thị Thuận

Phạm Trung Nghị

CHỨNG THƯ THẨM ĐỊNH GIÁ

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG

- Thực hiện nội dung theo yêu cầu tại Hợp đồng số 0027/2103/HĐDN-CTAP ngày 15/03/2021 giữa hai bên;
- Căn cứ Báo cáo kết quả thẩm định giá số 0027A/2103/HĐDN-CTAP ngày 05/04/2021 của Công ty TNHH Tư vấn và Định giá Châu Thành;

Công ty TNHH Tư vấn và Định giá Châu Thành trân trọng cung cấp Chứng thư thẩm định giá số 0027A/2103/HĐDN-CTAP ngày 05/04/2021, thông báo nội dung và kết quả thẩm định giá trị tài sản như sau:



1. Khách hàng thẩm định giá:

- Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XẾP DỠ TÂN CẢNG.
- Địa chỉ: 470 Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
- Người đại diện: Ông **LÊ VĂN CƯỜNG** Chức vụ: Giám Đốc

2. Tài sản thẩm định giá:

- Tài sản thẩm định giá: Giá trị doanh nghiệp – Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép thời điểm 31/12/2020.
- Đặc điểm về pháp lý và kỹ thuật tài sản thẩm định: Xem chi tiết tại Mục 4 báo cáo thẩm định giá đính kèm.

3. Thời điểm thẩm định giá: 31/12/2020.

4. **Mục đích thẩm định giá:** Xác định giá Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép làm cơ sở cho Công ty Cổ phần Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng – TCL xác định giá khởi điểm để đấu giá công khai bán cổ phần của TCL tại Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép.

5. **Căn cứ pháp lý:** Xem chi tiết tại Mục 2 báo cáo thẩm định giá đính kèm.

6. **Cơ sở giá trị của tài sản thẩm định giá:** Giá trị phi thị trường.

7. **Giả thiết và giả thiết đặc biệt:** Công ty không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh. Giá trị doanh nghiệp và Vốn chủ sở hữu thực tế tại doanh nghiệp được tính theo giá trị sổ sách kế toán.

9. Kết quả thẩm định giá:

Công ty TNHH Tư vấn & Định Giá Châu Thành trân trọng thông báo kết quả thẩm định giá tài sản tại thời điểm 31/12/2020 như sau:

Hạng mục	Thành tiền (đồng)
Giá trị thực tế phần vốn chủ sở hữu tại Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép	79.967.000.000
Nợ phải trả (theo sổ sách)	50.000.000
Giá trị doanh nghiệp Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép	80.017.000.000
Bằng chữ: Tám mươi tỷ, không trăm mười bảy triệu đồng./.	

10. Những điều khoản loại trừ và hạn chế của kết quả thẩm định giá: Xem chi tiết tại Mục 9 báo cáo thẩm định giá đính kèm.

11. Thời hạn có hiệu lực của kết quả thẩm định giá:

Thời hạn có hiệu lực của kết quả thẩm định giá kể từ thời điểm phát hành Chứng thư là: 04 (bốn) tháng.

12. Các tài liệu kèm theo:

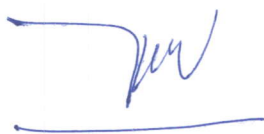
- Đính kèm Báo cáo kết quả thẩm định giá số 0027A/2103/HĐDN-CTAP ngày 05/04/2021 của Công ty TNHH Tư vấn & Định giá Châu Thành.

Chứng thư được phát hành thành 05 (năm) bản chính bằng tiếng Việt, cấp cho khách hàng 04 (bốn) bản và lưu tại Công Ty TNHH Tư vấn & Định giá Châu Thành 01 (một) bản.

Chứng thư này được cam kết bảo mật. Chỉ bản chính và bản sao Chứng thư do CTAPPRAISAL cấp mới có giá trị. Tất cả bản sao không có xác nhận của CTAPPRAISAL đều vi phạm pháp luật và không có giá trị.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2021

Thẩm định viên về giá



HÀNG MỸ MAI

Số thẻ XII6.1543 cấp ngày 22/12/2016

Giám Đốc



NGUYỄN NHÂN QUYỀN

Số thẻ VIII3.929 cấp ngày 10/12/2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ

(Kèm theo Chứng thư thẩm định giá số 0027A/2103/HĐDN-CTAP ngày 05/04/2021)

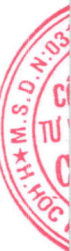
1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ:

Tên công ty : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & ĐỊNH GIÁ CHÂU THÀNH
Mã số thuế : 0315094259
Địa chỉ: 30/1F Ấp Đông, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 0909300096
Đại diện : Ông NGUYỄN NHÂN QUYỀN Chức vụ: Giám Đốc
Số tài khoản : 131398 - Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Hóc Môn
Số tài khoản : 906042843700001 - Ngân hàng TMCP Nam Á – CN Lý Thường Kiệt
Chủ tài khoản : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐỊNH GIÁ CHÂU THÀNH

2. CÁC THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ CUỘC THẨM ĐỊNH GIÁ:

Tên khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ GIAO NHẬN VẬN TẢI XÉP DỖ TÂN CẢNG.
Địa chỉ: 470 Đồng Văn Cống, P. Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM.
Người đại diện: Ông LÊ VĂN CƯỜNG Chức vụ: Giám Đốc

- **Số hợp đồng** : 0027/2103/HĐDN-CTAP ngày 15/03/2021;
- **Tài sản thẩm định giá** : Giá trị doanh nghiệp – Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép thời điểm 31/12/2020;
- **Thời điểm thẩm định giá** : 31/12/2020;
- **Mục đích thẩm định giá** : Xác định giá Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép làm cơ sở cho Công ty Cổ phần Đại lý giao nhận vận tải xếp dỡ Tân Cảng – TCL xác định giá khởi điểm để đấu giá công khai bán cổ phần của TCL tại Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép.



- **Các nguồn thông tin được sử dụng trong quá trình thẩm định giá và mức độ kiểm tra, thẩm định các nguồn thông tin đó:** Các nguồn thông tin được sử dụng trong quá trình thẩm định giá được tổ thẩm định giá thu thập trực tiếp (khách hàng cung cấp, khảo sát thực tế, giao dịch trên thị trường, các phương tiện truyền thông và các văn bản thể hiện tính pháp lý liên quan đến tài sản); Các nguồn thông tin luôn được tổ thẩm định giá kiểm chứng để đảm bảo độ tin cậy, chính xác.
- **Căn cứ pháp lý để thẩm định giá:**
 - Luật giá số 11/2012/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 06 năm 2012.
 - Luật đất đai số 45/2013/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2013.
 - Luật xây dựng số 50/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18 tháng 06 năm 2014.
 - Luật nhà ở số 65/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2014.
 - Nghị định số 177/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá.
 - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất Đai.
 - Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 Quy định về giá đất.
 - Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 Quy định về thu tiền sử dụng đất.
 - Thông tư số 158/2014/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2014 Ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá số 01, 02, 03, 04.
 - Thông tư số 28/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 03 năm 2015 Ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 05, 06, 07.
 - Thông tư số 126/2015/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2015 Ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 08, 09, 10.
 - Thông tư số 145/2016/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2016 Ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 11.
 - Thông tư số 122/2017TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2017 Ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12.
 - Thông tư số 28/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3. THÔNG TIN TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG, CÁC THÔNG TIN VỀ THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH CỦA NHÓM (LOẠI) TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ:

- Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép chưa phát sinh hoạt động kinh doanh, chưa niêm yết, thông tin các doanh nghiệp có VCSH và hoạt động kinh doanh tương đương rất hạn chế.

4. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN THẨM ĐỊNH GIÁ:

4.1. Đặc điểm pháp lý của tài sản thẩm định giá

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Báo cáo tài chính năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019 (do Công ty lập chưa được kiểm toán), 2020 (được kiểm toán).

4.2. Giới thiệu doanh nghiệp

Công ty được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp – Công ty cổ phần số 3501624452 lần đầu ngày 31/5/2010. Đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 02/07/2018.

4.3. Chức năng hoạt động (các ngành chính)

- Xếp dỡ container và hàng hóa; Bốc xếp hàng hóa cảng sông và cảng biển.
- Dịch vụ logistic; Cung ứng tàu biển; Kiểm đếm và đóng gói hàng hóa; Đại lý giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Đại lý tàu biển; Đại lý hàng hải; Hoạt động lai dắt tàu biển.
- Vận tải hành khách, hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy (trừ xe buýt).

4.4. Đánh giá hoạt động sự nghiệp và sản xuất kinh doanh thời điểm 31/12/2020

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép chưa phát sinh hoạt động sản xuất, kinh doanh.

4.5. Thông tin tài chính doanh nghiệp
Bảng cân đối kế toán

		TÀI SẢN	Mã số	31/12/2020
A.		TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	17.000.000
I.		Tiền và các khoản tương đương tiền	110	17.000.000
	1	Tiền	111	17.000.000
	2	Các khoản tương đương tiền	112	-
II.		Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	-
	1	Chứng khoán kinh doanh	121	-
	2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	-
	3	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-
III.		Các khoản phải thu ngắn hạn	130	-
	1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	-
	2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	-
	3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-
	4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-
	5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	-
	6	Phải thu ngắn hạn khác	136	-
	7	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-
	8	Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-
IV.		Hàng tồn kho	140	-
	1	Hàng tồn kho	141	-
	2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-
V.		Tài sản ngắn hạn khác	150	-
	1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	-
	2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	-
	3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	-
	4	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154	-
	5	Tài sản ngắn hạn khác	155	-
B.		TÀI SẢN DÀI HẠN	200	80.000.000.000
I.		Các khoản phải thu dài hạn	210	80.000.000.000
	1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-
	2	Trả trước cho người bán dài hạn	212	-
	3	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-
	4	Phải thu nội bộ dài hạn	214	-
	5	Phải thu về cho vay dài hạn	215	-
	6	Phải thu dài hạn khác	216	80.000.000.000
	6.1	<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Á Châu</i>		<i>80.000.000.000</i>
	7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-
II.		Tài sản cố định	220	-
	1	Tài sản cố định hữu hình	221	-
		- Nguyên giá	222	-
		- Giá trị hao mòn lũy kế	223	-
	2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	-
		- Nguyên giá	225	-
		- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-
	3	Tài sản cố định vô hình	227	-
		- Nguyên giá	228	-

		TÀI SẢN	Mã số	31/12/2020
III.		Bất động sản đầu tư	230	-
		- Nguyên giá	231	-
		- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-
IV.		Tài sản dở dang dài hạn	240	-
	1	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-
	2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-
V.		Đầu tư tài chính dài hạn	250	-
	1	Đầu tư vào công ty con	251	-
	2	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-
	3	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-
	4	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-
	5	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-
VI.		Tài sản dài hạn khác	260	-
	1	Chi phí trả trước dài hạn	261	-
	2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-
	3	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-
	4	Tài sản dài hạn khác	268	-
		TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	80.017.000.000

		NGUỒN VỐN	Mã số	31/12/2020
C.		C - NỢ PHẢI TRẢ	300	50.000.000
I.		Nợ ngắn hạn	310	50.000.000
	1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	-
	2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-
	3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	-
	4	Phải trả người lao động	314	-
	5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	-
	6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	-
	7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317	-
	8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-
	9	Phải trả ngắn hạn khác	319	50.000.000
	9.1	<i>Phạm Cao Phúc</i>		50.000.000
	10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-
	11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-
	12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	-
	13	Quỹ bình ổn giá	323	-
	14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-
II.		Nợ dài hạn	330	-
	1	Phải trả dài hạn người bán	331	-
	2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332	-
	3	Chi phí phải trả dài hạn	333	-
	4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334	-
	5	Phải trả nội bộ dài hạn	335	-
	6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	-
	7	Phải trả dài hạn khác	337	-
	8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-
	9	Trái phiếu chuyển đổi	339	-
	10	Cổ phiếu ưu đãi	340	-
	11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	-

NGUỒN VỐN		Mã số	31/12/2020	
	13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	-
D.		VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	79.967.000.000
I.		Vốn chủ sở hữu	410	79.967.000.000
	1	Vốn góp của chủ sở hữu	411	80.000.000.000
		- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	-
		- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-
	2	Thặng dư vốn cổ phần	412	-
	3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-
	4	Vốn khác của chủ sở hữu	414	-
	5	Cổ phiếu quỹ (*)	415	-
	6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-
	7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-
	8	Quỹ đầu tư phát triển	418	-
	9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-
	10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-
	11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(33.000.000)
		- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(30.000.000)
		- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(3.000.000)
	12	Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	-
II.		Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-
	1	Nguồn kinh phí	431	-
	2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-
		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	80.017.000.000

Bảng kết quả HĐKD

CHỈ TIÊU		Mã số	31/12/2020
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18.449.071.816
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	-
4.	Giá vốn hàng bán	11	-
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	-
	(20 = 10 - 11)		
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	-
7.	Chi phí tài chính	22	-
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	-
8.	Chi phí bán hàng	25	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.000.000
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(3.000.000)
	(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))		
11.	Thu nhập khác	31	-
12.	Chi phí khác	32	-
13.	Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	-
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(3.000.000)
	(50 = 30 + 40)		
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(3.000.000)
	(60 = 50 - 51 - 52)		

5. CƠ SỞ THẨM ĐỊNH GIÁ:

Kết quả thẩm định giá trị tài sản được xác định dựa trên cơ sở giá trị phi thị trường tại thời điểm thẩm định, theo tiêu chuẩn 03 - Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam: “*Giá trị phi thị trường là mức giá ước tính của tài sản tại thời điểm, địa điểm thẩm định giá, không phản ánh giá trị thị trường mà căn cứ vào đặc điểm kinh tế kỹ thuật, chức năng, công dụng của tài sản, những lợi ích mà tài sản mang lại trong quá trình sử dụng, giá trị đối với một số người mua đặc biệt, giá trị khi giao dịch trong điều kiện hạn chế, giá trị đối với một số mục đích thẩm định giá đặc biệt và các giá trị không phản ánh giá trị thị trường khác. Giá trị phi thị trường bao gồm: giá trị tài sản bắt buộc phải bán, giá trị đặc biệt, giá trị đầu tư, giá trị để tính thuế hoặc các giá trị khác*”.

6. GIẢ THIẾT VÀ GIẢ THIẾT ĐẶC BIỆT:

Công ty không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh. Giá trị doanh nghiệp và Vốn chủ sở hữu thực tế tại doanh nghiệp được tính theo giá trị sổ sách kế toán.

7. CÁCH TIẾP CẬN, PHƯƠNG PHÁP THẨM ĐỊNH GIÁ:

7.1. Phương pháp tài sản

Phương pháp tài sản là phương pháp ước tính giá trị của doanh nghiệp cần thẩm định giá thông qua tính tổng giá trị thị trường của các tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của doanh nghiệp cần thẩm định giá.

Các bước tiến hành:

- Bước 1: Ước tính tổng giá trị các tài sản hữu hình và tài sản tài chính của doanh nghiệp cần thẩm định giá.
- Bước 2: Ước tính tổng giá trị các tài sản vô hình của doanh nghiệp cần thẩm định giá.
- Bước 3: Ước tính giá trị của doanh nghiệp cần thẩm định giá.

Ước tính giá trị của doanh nghiệp cần thẩm định giá:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thị trường của} \\ \text{doanh nghiệp cần} \\ \text{thẩm định giá} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng giá trị các tài sản hữu hình và} \\ \text{tài sản tài chính của doanh nghiệp cần} \\ \text{thẩm định giá} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Tổng giá trị các tài sản} \\ \text{vô hình của doanh nghiệp} \\ \text{cần thẩm định giá} \end{array}$$

Ước tính giá trị vốn chủ sở hữu từ giá trị thị trường của doanh nghiệp cần thẩm định giá:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị vốn chủ sở hữu của doanh} \\ \text{nghiệp cần thẩm định giá} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị thị trường của doanh} \\ \text{nghiệp cần thẩm định giá} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá trị các khoản} \\ \text{nợ} \end{array}$$

❖ Ước tính tổng giá trị các tài sản vô hình của doanh nghiệp cần thẩm định giá: Giá trị lợi thế kinh doanh:

Xác định giá trị lợi thế kinh doanh trên cơ sở giá trị tiềm năng phát triển (theo tỷ suất lợi nhuận và lãi suất trái phiếu Chính phủ):

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp xác định theo phương pháp trên được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị tiềm} \\ \text{năng phát} \\ \text{triển} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị phần} \\ \text{vốn nhà nước} \\ \text{theo sổ kế toán} \\ \text{tại thời điểm} \\ \text{định giá} \end{array} \times \left\{ \begin{array}{l} \text{Tỷ suất lợi nhuận} \\ \text{sau thuế trên vốn} \\ \text{chủ sở hữu bình} \\ \text{quân 3 năm trước} \\ \text{thời điểm xác định} \\ \text{giá trị doanh nghiệp} \end{array} \right. - \left. \begin{array}{l} \text{Lãi suất của trái phiếu} \\ \text{Chính phủ có kỳ hạn 5} \\ \text{năm do Bộ Tài chính} \\ \text{công bố tại thời điểm gần} \\ \text{nhất với thời điểm xác} \\ \text{định giá trị doanh nghiệp} \end{array} \right.$$

Trong đó:

- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước theo sổ kế toán tại thời điểm định giá (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) được xác định bằng giá trị doanh nghiệp theo sổ kế toán (là tổng giá trị tài sản thể hiện trong Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp trừ các khoản nợ phải trả theo sổ kế toán tại thời điểm định giá).
- Vốn chủ sở hữu được xác định bao gồm số dư: Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu - tài khoản 411; Quỹ đầu tư phát triển - tài khoản 414 và Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản - tài khoản 441 theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc Ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp. Việc xác định vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp cổ phần hoá là các tổ chức tín dụng theo hướng dẫn của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế được xác định như sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Tỷ suất lợi nhuận sau} \\
 \text{thuế trên vốn CSH} \\
 \text{ bình quân 3 năm trước} \\
 \text{ thời điểm xác định} \\
 \text{ giá trị doanh nghiệp}
 \end{array}
 =
 \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Lợi nhuận sau thuế bình quân 3 năm liền kề} \\
 \text{trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp} \\
 \\
 \text{Vốn CSH theo sổ kế toán bình quân 3 năm liền kề} \\
 \text{trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp}
 \end{array}
 }{
 }
 \times 100\%$$

7.2. Phương pháp dòng tiền chiết khấu

Phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp xác định giá trị doanh nghiệp cần thẩm định giá thông qua ước tính tổng của giá trị chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp cần thẩm định giá với giá trị hiện tại của các tài sản phi hoạt động của doanh nghiệp tại thời điểm thẩm định giá. Trường hợp doanh nghiệp cần thẩm định giá là công ty cổ phần, phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do của doanh nghiệp được sử dụng với giả định coi các cổ phần ưu đãi của doanh nghiệp cần thẩm định giá như cổ phần thường. Giả định này cần được nêu rõ trong phần hạn chế của Chứng thư thẩm định giá và Báo cáo kết quả thẩm định giá.

Các bước xác định giá trị doanh nghiệp:

Bước 1: Dự báo dòng tiền tự do của doanh nghiệp cần thẩm định giá.

Bước 2: Ước tính chi phí sử dụng vốn bình quân gia quyền của doanh nghiệp cần thẩm định giá.

Bước 3: Ước tính giá trị cuối kỳ dự báo.

Bước 4: Ước tính giá trị doanh nghiệp cần thẩm định giá.

7.3. Phương pháp tỷ số bình quân:

Phương pháp tỷ số bình quân ước tính giá trị doanh nghiệp cần thẩm định giá thông qua tỷ số thị trường trung bình của các doanh nghiệp so sánh.

+ Xác định giá trị doanh nghiệp cần thẩm định giá theo tỷ số giá trên thu nhập bình quân $\frac{P}{E}$:

Giá trị thị trường vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp cần thẩm định giá = Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 4 quý gần nhất của doanh nghiệp cần thẩm định giá $\times \frac{P}{E}$ bình quân của các doanh nghiệp so sánh

+ Xác định giá trị doanh nghiệp cần thẩm định giá theo tỷ số giá trên doanh thu bình quân $\frac{P}{S}$:

Giá trị thị trường vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp cần thẩm định giá = Doanh thu thuần 4 quý gần nhất của doanh nghiệp cần thẩm định giá $\times \frac{P}{S}$ bình quân của các doanh nghiệp so sánh

Xác định giá trị doanh nghiệp cần thẩm định giá theo tỷ số giá trên giá trị sổ sách bình quân $\frac{P}{B}$:

Giá trị thị trường vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp cần thẩm định giá = Giá trị sổ sách của vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp cần thẩm định giá gần nhất thời điểm thẩm định giá $\times \frac{P}{B}$ bình quân của các doanh nghiệp so sánh

8. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ:

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép trong 3 năm liền kể thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh. Giá trị doanh nghiệp và Vốn chủ sở hữu thực tế tại doanh nghiệp được xác định theo giá trị sổ sách kế toán:

Hạng mục	Thành tiền (đồng)
Giá trị thực tế phần vốn chủ sở hữu tại Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép	79.967.000.000
Nợ phải trả (theo sổ sách)	50.000.000
Giá trị doanh nghiệp Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Cái Mép	80.017.000.000
<i>Bằng chữ: Tám mươi tỷ, không trăm mười bảy triệu đồng./.</i>	

9. THỜI HẠN CÓ HIỆU LỰC CỦA KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ:

- Thời hạn có hiệu lực của kết quả thẩm định giá kể từ thời điểm phát hành Chứng thư là: 04 (bốn) tháng.

10. NHỮNG ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ VÀ HẠN CHẾ CỦA KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH GIÁ:

- Kết quả thẩm định giá chỉ được sử dụng tham khảo cho một “mục đích thẩm định giá” duy nhất đã được đề cập trong mục 4 của chứng thư này; khách hàng phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi sử dụng sai mục đích thẩm định giá đã yêu cầu;
- Khách hàng là người yêu cầu thẩm định giá, cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản thẩm định giá và hướng dẫn Thẩm định viên thực hiện thẩm định thực tế hiện trạng tài sản phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về các đặc điểm kinh tế - kỹ thuật cũng như tính pháp lý của tài sản đã cung cấp; Chúng tôi không có trách nhiệm xác minh nguồn gốc cũng như tính chất pháp lý của tài sản thẩm định giá;
- Việc thẩm định chủ yếu dựa vào dữ liệu và cơ sở giá trị thị trường, tính đa dạng, phổ biến và mức độ tin cậy của nguồn thông tin thu thập được trong điều kiện hiện tại vẫn còn một số hạn chế nhất định; Do đó, kết quả thẩm định giá ít nhiều chịu sự tác động bởi mức độ tin cậy của nguồn thông tin thu thập. Tuy vậy, chúng tôi hoàn toàn tin tưởng rằng kết quả thẩm định đã phản ánh một cách hợp lý giá trị thị trường của tài sản tại địa điểm và thời điểm thực hiện thẩm định giá;
- BCTC thời điểm 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán. Tại thời điểm thẩm định Các khoản phải thu phải trả hồ sơ căn cứ theo số liệu báo cáo đã được kiểm toán. Giá định các khoản phải thu được thu lại đủ theo sổ sách kế toán.
- Chứng thư và báo cáo kết quả thẩm định giá chỉ có giá trị tại thời điểm thẩm định và chỉ sử dụng đúng với mục đích đã yêu cầu thẩm định (được ghi trên báo cáo và chứng thư thẩm định giá).
- Giá trị của tài sản thẩm định thay đổi theo thời gian tùy thuộc vào tình hình thị trường và các yếu tố pháp lý có liên quan đến tài sản. Vì vậy, chúng tôi khuyến cáo rằng báo cáo kết quả thẩm định này chỉ dựa trên các thông tin được cung cấp hoặc thu thập được vào thời điểm thực hiện việc thẩm định giá.

11. CÁC PHỤ LỤC, TÀI LIỆU KÈM THEO:

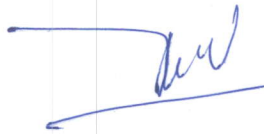
- Tài liệu thể hiện tính pháp lý và đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tài sản thẩm định giá.

Báo cáo kết quả thẩm định giá được phát hành thành 05 (năm) bản chính bằng tiếng Việt, cấp cho khách hàng 04 (bốn) bản và lưu tại Công Ty TNHH Tư vấn & Định giá Châu Thành 01 (một) bản.

Báo cáo kết quả thẩm định giá này được cam kết bảo mật. Chỉ bản chính và bản sao Chứng thư do CTAPPRAISAL cấp mới có giá trị. Tất cả bản sao không có xác nhận của CTAPPRAISAL đều vi phạm pháp luật và không có giá trị.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 04 năm 2021

Thẩm định viên về giá



HÀNG MỸ MAI

Số thẻ XII6.1543 cấp ngày 22/12/2016

Giám Đốc



NGUYỄN NHÂN QUYỀN

Số thẻ VIII13.929 cấp ngày 10/12/2013

